

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4982/BTP-VP

V/v trả lời các đề xuất, kiến nghị
của địa phương

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2011

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Thực hiện Kế hoạch công tác năm 2011, Bộ Tư pháp tổng hợp trả lời các đề xuất, kiến nghị của địa phương trong 06 tháng đầu năm 2011. Bộ Tư pháp trân trọng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu, áp dụng Danh mục trả lời các đề xuất, kiến nghị của Sở Tư pháp (kèm theo Công văn này); chỉ đạo các cơ quan tư pháp trên địa bàn thống nhất thực hiện.

Trọng quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc chưa rõ, đề nghị Quý cơ quan phản ánh về Bộ Tư pháp (thông qua Văn phòng Bộ) để phối hợp xử lý./. *ly*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để thực hiện);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, TH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



Hoàng Thế Liên



DANH MỤC TRẢ LỜI CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA SỞ TƯ PHÁP

(Kèm theo Công văn số 4982/BTP-VP ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tư pháp)

1. Về công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

1.1. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành văn bản hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của địa phương để thuận tiện cho quá trình tổ chức thực hiện nội dung này (STP Hà Giang).

Trả lời: Hiện nay, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của địa phương đang áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNV-VPCP ngày 06/5/2005 của Bộ Nội Vụ và Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản. Vừa qua, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính, theo đó những quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính và bản sao văn bản được quy định tại Thông tư liên tịch số 55 trái với Thông tư mới ban hành này sẽ bị bãi bỏ, còn các quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật trong Thông tư liên tịch số 55 vẫn được áp dụng.

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang hoàn thiện lần cuối dự thảo Thông tư hướng dẫn về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và văn bản quy phạm pháp luật liên tịch trước khi ban hành.

1.2. Đề nghị Bộ Tư pháp có quy định cụ thể để xác định giá trị báo cáo thẩm định văn bản quy phạm pháp luật (STP Hà Giang).

Trả lời: Thẩm định là một quy trình bắt buộc của việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Điều này đã được quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các văn bản hướng dẫn thi hành. Theo đó, trước khi gửi hồ sơ trình cấp trên ký ban hành, cơ quan có thẩm quyền phải tiến hành thẩm định dự thảo văn bản và phải có báo cáo thẩm định. Như vậy, giá trị pháp lý của Báo cáo thẩm định đã được xác định cụ thể trong Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đối với hoạt động thẩm định văn bản quy phạm pháp

luật của Bộ Tư pháp, ngày 08/4/2010, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký ban hành Quyết định số 1048/QĐ-BTP trong đó cũng có quy định cụ thể giá trị pháp lý của Báo cáo thẩm định.

1.3. Đề nghị Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu, sớm ban hành văn bản thay thế Thông tư liên tịch số 158/2007/TTLT-BTC-BTP ngày 28/12/2007 hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ cho công tác kiểm tra văn bản QPPL cho phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội hiện nay (STP Lạng Sơn, Phú Thọ).

Trả lời: Hiện nay, Bộ Tư pháp đang phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch số 158. Dự thảo Thông tư liên tịch đã được tổ chức lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương và đang được tiếp thu, chỉnh lý hoàn thiện.

1.4. Đề nghị hướng dẫn các bước thực hiện lập cơ sở dữ liệu và việc tổng hợp chung vào hệ cơ sở dữ liệu của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (STP Long An).

Trả lời: Hàng năm, Bộ Tư pháp đều tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Bộ Tư pháp đã hướng dẫn lập cơ sở dữ liệu để trao đổi trong Hội nghị tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ được tổ chức vào ngày 29, 30/6 và 01/7/2011.

1.5. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm thực hiện việc cung cấp hệ cơ sở dữ liệu của Cục Kiểm tra văn bản QPPL về STP, đồng thời hướng dẫn cụ thể việc xây dựng hệ cơ sở dữ liệu của từng cấp để tổng hợp chung vào hệ cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý cấp trên (STP Lạng Sơn).

Trả lời: Hiện nay, Bộ Tư pháp đang rà soát, nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu văn bản QPPL chung của Bộ. Việc hướng dẫn cụ thể về xây dựng hệ cơ sở dữ liệu của từng cấp, Bộ Tư pháp đã có hướng dẫn trong Hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL được tổ chức vào ngày 29, 30/6 và 01/7/2011.

1.6. Đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức tập huấn và cung cấp tài liệu hướng dẫn kỹ năng, kinh nghiệm thẩm định và tham gia văn bản QPPL; nâng mức chi cho việc thẩm định dự thảo văn bản QPPL theo Thông tư liên tịch số 09 vì mức như vậy là quá thấp (STP Vĩnh Phúc).

Trả lời: *Thứ nhất*, về việc tổ chức tập huấn và cung cấp tài liệu hướng dẫn kỹ năng, kinh nghiệm thẩm định và tham gia soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật:

Ngay sau khi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được ban hành, năm 2005 Bộ Tư pháp đã tổ chức 02 Hội nghị phổ biến các quy định của Luật đến các cán bộ lãnh đạo HĐND, UBND, các cơ quan Tư pháp của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đồng thời, Bộ Tư pháp cũng đã tổ chức nhiều đợt tập huấn chuyên sâu theo từng chuyên đề cho các cán bộ trực tiếp làm công tác soạn thảo, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể, hàng năm, Bộ Tư pháp đều tổ chức từ 2 đến 3 lớp tập huấn chuyên sâu về công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật nhằm bồi dưỡng kỹ năng, thông tin những vấn đề mới và giải đáp các vướng mắc của các địa phương về công tác này.

Ngoài ra, Bộ Tư pháp cũng đã phối hợp với các cơ quan có liên quan biên soạn nhiều tài liệu hướng dẫn về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho địa phương như Sổ tay nghiệp vụ soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp (NXB Tư pháp năm 2007), Tình huống, nghiệp vụ kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (NXB Tư pháp năm 2006), Nghiệp vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (NXB Tư pháp năm 2007), Cẩm nang pháp chế (NXB Tư pháp năm 2006)...

Thứ hai, về việc nâng mức chi cho việc thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo Thông tư liên tịch số 09/2007/TTLT/BTP-BTC ngày 15/11/2007 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân: Hiện tại, Bộ Tư pháp đang chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Văn phòng Chính phủ xây dựng Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch số 09/2007/TTLT/BTP-BTC. Thông tư liên tịch mới sẽ nâng định mức chi cho từng nội dung, hoạt động trong quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, trong đó có hoạt động thẩm định. Dự kiến cuối năm 2011 Thông tư liên tịch này sẽ được ký ban hành.

1.7. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể về xem xét, xử lý trách nhiệm đối với người, cơ quan ban hành văn bản trái pháp luật theo quy định của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý văn bản (STP Sơn La).

Trả lời: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 34 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản QPPL, Bộ trưởng Bộ Nội vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong việc hướng dẫn cụ thể về xem xét, xử lý trách nhiệm đối với người, cơ quan ban hành văn bản trái pháp luật. Như vậy, theo quy định, Bộ Nội vụ là cơ quan chủ trì, Bộ Tư pháp sẽ tích cực phối hợp với Bộ Nội vụ trong quá trình triển khai xây dựng văn bản này

2. Về công tác hành chính tư pháp

2.1. Nghị định số 158/2005/NĐ-CP chưa quy định về thời hạn cấp lại bản chính giấy khai sinh, trong khi đó Bộ thủ tục hành chính Đề án 30 lại quy định giải quyết trong 01 ngày làm việc nên chưa có cơ sở rõ ràng để thực hiện, mặt khác bản chính giấy khai sinh được cấp lại phải do Chủ tịch UBND huyện ký, nên việc giải quyết trong thời hạn 01 ngày làm việc khó thực hiện. Kiến nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, quy định lại trường hợp này cho thống nhất, cụ thể (STP Tây Ninh).

Trả lời: Thực hiện yêu cầu cải cách thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 10/12/2010 của Chính phủ, Bộ Tư pháp đã tiếp thu và đưa vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005, theo đó quy định cụ thể thời hạn cấp lại bản chính Giấy khai sinh, trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn không quá 3 ngày làm việc. Hiện nay, Nghị định này đang trình Chính phủ xem xét quyết định.

2.2. Theo Nghị định 158/2005/NĐ-CP, việc bổ sung hộ tịch không phải ra quyết định bổ sung hộ tịch, nhưng thực tế tại các địa phương hiện nay các Sở, ngành khác (công an, giáo dục...) yêu cầu người dân cung cấp quyết định bổ sung hộ tịch để làm căn cứ điều chỉnh lại các giấy tờ khác. Kiến nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn và quy định cụ thể (STP Tây Ninh).

Trả lời: Việc bổ sung hộ tịch đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005, trong trường hợp các sở, ngành khác (công an, giáo dục...) yêu cầu trái với quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP thì Sở Tư pháp cần có trao đổi để thống nhất thực hiện.

2.3. Trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có nhiều trường hợp người dân đến yêu cầu được xác định lại dân tộc, từ dân tộc Stiêng thành dân tộc Tà Mun (có kèm theo hồ sơ chứng minh các giấy tờ của ông, bà của họ là

người dân tộc Tà Mun), nhưng khi xem xét thì không có căn cứ để giải quyết vì trong số 54 dân tộc Việt Nam (Theo danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 2/3/1979) không có tên dân tộc Tà Mun. Kiến nghị Bộ Tư pháp có ý kiến hướng dẫn thực hiện (STP Tây Ninh).

Trả lời: Về nguyên tắc, việc xác định dân tộc của một cá nhân được dựa trên danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 2/3/1979. Việc người dân yêu cầu được xác định lại dân tộc theo một dân tộc không có trong danh mục thành phần dân tộc Việt Nam là vấn đề mới phát sinh. Do đó, Bộ Tư pháp sẽ có văn bản trao đổi và xin ý kiến Ủy ban dân tộc của Chính phủ, Quốc hội về vấn đề này. Sau khi có ý kiến, Bộ Tư pháp sẽ có hướng dẫn cụ thể trong thời gian tới.

2.4. Trẻ em sinh ra ở nước ngoài được mẹ đưa về Việt Nam sinh sống từ khi người mẹ còn quốc tịch Việt Nam (đứa trẻ đã có hộ chiếu nước ngoài hoặc đã có khai sinh ở nước ngoài) nhưng đến khi xin đăng ký khai sinh cho con tại Việt Nam để được đi học, thì mẹ của trẻ em đó không còn quốc tịch Việt Nam - Đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn giải quyết cho đăng ký khai sinh như thế nào? (STP Tây Ninh).

Trường hợp người mẹ đăng ký kết hôn ở nước ngoài nhưng hiện tại chưa ghi chủ kết hôn ở Việt Nam đã sinh con ở nước ngoài và đứa trẻ đó đã được đăng ký khai sinh ở nước ngoài, sau đó người mẹ đem con về Việt Nam sinh sống cùng ông bà ngoại đã được 4 năm. Nay xin đăng ký khai sinh tại Việt Nam để đi học. Trường hợp này kiến nghị Bộ có hướng dẫn giải quyết cho đăng ký khai sinh như thế nào? (STP Tây Ninh).

Trả lời: Việc đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài chưa được đăng ký khai sinh và vấn đề xác định quốc tịch của trẻ em đã được hướng dẫn tại Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008. Trường hợp trẻ em sinh ra ở nước ngoài, đã đăng ký khai sinh ở nước ngoài, có quốc tịch nước ngoài thì không được đăng ký khai sinh tại Việt Nam. Khi đi học trẻ em sẽ sử dụng Giấy khai sinh do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp (Giấy khai sinh phải được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch ra tiếng Việt).

2.5. Việc thực hiện Thông tư số 16/2010/TT-BTP ngày 08/10/2010 của Bộ Tư pháp trong trường hợp người nước ngoài kết hôn với người Việt Nam tại Việt Nam, đã ly hôn ở nước ngoài khi người chồng (người nước ngoài) đã làm thủ

tục ghi chú ly hôn tại Việt Nam xong, nhưng khi người vợ (người Việt Nam) muốn đăng ký kết hôn thì có phải xin ghi chú nữa hay không vì có cùng chung bản án/quyết định hoặc bản thỏa thuận ly hôn. Kiến nghị Bộ Tư pháp cho ý kiến nên giải quyết như thế nào? (STP Tây Ninh).

Trả lời: Trường hợp một bên vợ hoặc chồng đã làm thủ tục ghi chú ly hôn tại Việt Nam, thì người kia không phải xin ghi chú lần nữa, mà chỉ đề nghị Sở Tư pháp nơi đã thực hiện ghi chú cấp Giấy xác nhận đã ghi vào sổ việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài.

2.6. Bộ Tư pháp cần có Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2006/NĐ-CP, nhất là việc xác định căn cứ pháp lý làm cơ sở cho việc từ chối đăng ký kết hôn do không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Tại mục 2 khoản 7 Điều 1 Nghị định 69/2006/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 68/2002/NĐ-CP qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình có yếu tố nước ngoài không có điều, khoản nào qui định việc từ chối không công nhận việc ghi chú kết hôn, cho nên STP tỉnh Tây Ninh đang gặp khó khăn trong việc chỉ đạo thực hiện (STP Tây Ninh).

Trả lời: Những nội dung này, đang được Bộ Tư pháp nghiên cứu, xem xét báo cáo Chính phủ đưa vào dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài và Nghị định 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP.

2.7. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm cho ý kiến về việc giải quyết đăng ký kết hôn và ghi chú kết hôn đối với các trường hợp trước đây nữ công dân Việt Nam đã kết hôn với người nam nước ngoài do sử dụng giấy tờ giả để xuất cảnh định cư ở nước ngoài (chủ yếu là Hàn Quốc) nhằm đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em (STP Tây Ninh).

Trả lời: Vấn đề này Bộ Tư pháp đã trao đổi với các cơ quan có liên quan và xác định sẽ giải quyết theo hướng:

+ Trong trường hợp, đương sự có hành vi sử dụng giấy tờ giả để xuất cảnh, hiện nay đã định cư và sinh sống ổn định ở nước ngoài và đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài nay về Việt Nam làm thủ tục công nhận việc kết hôn đã tiến hành tại cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài thì xem

xét xử phạt hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh. Việc đăng ký kết hôn, ghi chú kết hôn được giải quyết như những trường hợp thông thường khác.

+ Trường hợp sử dụng giấy tờ giả để đăng ký kết hôn hoặc đăng ký kết hôn giả để ghi chú kết hôn thì Sở Tư pháp thu hồi, hủy bỏ giấy tờ giả, xử phạt hành chính và không giải quyết yêu cầu đăng ký kết hôn hoặc ghi vào sổ việc kết hôn của đương sự.

Bộ Tư pháp sẽ có Công văn trả lời Sở Tư pháp Tây Ninh cụ thể nội dung này trong thời gian tới.

2.8. Đề nghị sửa đổi Nghị định số 68/2002/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình về quan hệ hôn nhân, gia đình có yếu tố nước ngoài, theo đó, đề nghị chuyển giao thẩm quyền chứng nhận kết hôn và thẩm quyền công nhận việc nhận cha, mẹ con từ UBND cấp tỉnh cho Giám đốc STP; sửa đổi Thông tư số 16/2010/TT-BTP hướng dẫn việc ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài, theo đó, đề nghị chuyển giao thẩm quyền từ Bộ Tư pháp cho Giám đốc STP quyết định điều kiện ghi chú kết hôn; cung cấp đều, đủ số lượng các biểu mẫu hộ tịch (ban hành kèm theo Thông tư 08.a) cho các địa phương (STP Vĩnh Phúc).

Trả lời:

- Việc đề nghị chuyển giao thẩm quyền chứng nhận kết hôn và thẩm quyền công nhận việc nhận cha, mẹ con từ UBND cấp tỉnh cho Giám đốc Sở Tư pháp: Vấn đề này đã được Chính phủ thông qua tại Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 10/12/2010, Bộ Tư pháp đang chỉnh lý và báo cáo Chính phủ đưa vào Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2002/NĐ-CP, Nghị định 69/2006/NĐ-CP.

- Về đề nghị giao thẩm quyền quyết định việc ghi chú việc ly hôn cho Giám đốc Sở Tư pháp: Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của địa phương. Sau khi công việc này đi vào nề nếp, Bộ sẽ giao cho các địa phương thực hiện và chỉ hướng dẫn chung.

- Về đề nghị cung cấp đủ biểu mẫu: theo thông báo của Nhà Xuất bản tư pháp, thì hiện tại đã cung cấp đủ biểu mẫu theo yêu cầu của các địa phương. Đề nghị Sở Tư pháp chủ động liên hệ với Nhà Xuất bản Tư pháp để được giải quyết đủ theo yêu cầu.

2.9. Về bảo vệ quyền lợi phụ nữ Việt Nam trong các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài: Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị Chính phủ cần chỉ đạo khảo sát nắm tình hình gia đình có phụ nữ kết hôn với người nước ngoài và chỉ đạo tuyên truyền sâu rộng về những quy định pháp luật về bảo vệ quyền lợi, danh dự và nhân phẩm của người phụ nữ; tạo điều kiện hỗ trợ vốn trong sản xuất đối với nữ giới là lao động nhàn rỗi trong nông thôn nhằm hạn chế tình trạng buôn bán phụ nữ trong việc lợi dụng kết hôn có yếu tố nước ngoài đã và đang xảy ra; tăng cường cơ chế phối hợp trong thẩm tra, xác minh giữa cơ quan công an, tư pháp và các ngành có liên quan khác nhằm phát hiện, ngăn chặn các trường hợp không đủ điều kiện kết hôn, vi phạm pháp luật... (STP Hưng Yên)

Trả lời: Ngày 22/4/2011, Bộ Tư pháp và Bộ Lao động - Thương binh và xã hội đã đồng chủ trì tổ chức Hội nghị toàn quốc về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài theo sự chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân. Sau khi Văn phòng Chính phủ có Thông báo số 133/TB-VPCP ngày 06/6/2011 về ý kiến thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân tại Hội nghị, trong đó có đề cập hướng giải quyết những vấn đề đã nêu ở trên, Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan đang triển khai thực hiện.

2.10. Đề nghị quy định thẩm quyền cấp lại bản chính giấy khai sinh thuộc UBND cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh trước; chuyển thẩm quyền thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi cho UBND cấp huyện (STP Quảng Bình).

Trả lời: Nghị định số 158/2005/NĐ-CP quy định thẩm quyền cấp lại bản chính giấy khai sinh thuộc UBND cấp huyện là bảo đảm chặt chẽ, tránh tình trạng tùy tiện trong việc cấp lại Giấy khai sinh; thẩm quyền thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi cho UBND cấp xã là phù hợp với chủ trương cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho công dân; do đó, các địa phương cần thực hiện đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2.11. Đề nghị bỏ xử phạt hành chính trong trường hợp khai tử; trong thủ tục đăng ký khai sinh (STP Quảng Bình).

Trả lời: Pháp luật quy định việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực hộ tịch, cụ thể là thủ tục đăng ký khai sinh, khai tử nhằm mục đích nâng cao ý thức trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành các quy định pháp luật về hộ tịch, đồng thời, góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch. Do đó, cần thiết phải có quy định này để bảo đảm đăng ký đầy đủ mọi sự kiện sinh, tử.

2.12. Đề nghị hướng dẫn về thủ tục, thẩm quyền xác nhận tình trạng hôn nhân đối với những người đi lao động, làm ăn bất hợp pháp ở nước ngoài (STP Quảng Bình).

Trả lời: Thẩm quyền xác nhận tình trạng hôn nhân đã được quy định tại Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 và hướng dẫn cụ thể tại Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Nghị định 158/2005/NĐ-CP, trong đó không phân biệt người có yêu cầu cấp xác nhận tình trạng hôn nhân thuộc đối tượng nào.

2.13. Đề nghị hướng dẫn: trường hợp đứa trẻ được sinh trong trại giam, không còn người thân, mẹ đang chấp hành hình phạt tù thì ai là người đi làm thủ tục đăng ký khai sinh; trường hợp bố là người Việt Nam định cư ở nước ngoài đăng ký kết hôn tại Việt Nam với người nước ngoài, khi sinh con đang ở nước ngoài thì đăng ký khai sinh ở đâu? Trường hợp phụ nữ Việt Nam lấy chồng người Trung Quốc, sống và sinh con tại Trung Quốc nhưng không đăng ký kết hôn nên không khai sinh cho con được ở Trung Quốc, sau đó 2 người bỏ nhau và vợ về Việt Nam sinh sống và đề nghị khai sinh cho con tại Việt Nam (STP Phú Yên).

Trả lời:

- Trường hợp trẻ được sinh trong trại giam, không còn người thân, mẹ đang chấp hành hình phạt tù: khi nhận được kiến nghị của địa phương, Bộ Tư pháp đã hướng dẫn theo hướng người đi đăng ký khai sinh có thể là Giám thị trại giam. Đây là trường hợp đặc biệt, do đó không đưa vào quy định tại văn bản quy phạm pháp luật.

- Trường hợp bố là người Việt Nam định cư ở nước ngoài đăng ký kết hôn tại Việt Nam với người nước ngoài, khi sinh con đang ở nước ngoài: Việc đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, nếu cha, mẹ lựa chọn quốc tịch Việt Nam cho con (hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 11/2008/TTLT-BTP-BNG ngày 31/12/2008 của Bộ Tư pháp và Bộ Ngoại giao hướng dẫn thực hiện quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch tại các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài).

- Trường hợp phụ nữ Việt Nam lấy chồng người Trung Quốc, sống và sinh con tại Trung Quốc nhưng không đăng ký kết hôn nên không khai sinh cho con

được ở Trung Quốc, sau đó 2 người bỏ nhau và vợ về Việt Nam sinh sống và đề nghị khai sinh cho con tại Việt Nam: Trường hợp này được hướng dẫn cụ thể tại Mục 1 Phần II, Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.

2.14. Những trường hợp quan hệ vợ chồng xác lập trước ngày 03/01/1987 tại Việt Nam (không có đăng ký kết hôn), hiện nay cả hai bên đã xuất cảnh định cư tại nước ngoài và trường hợp công dân Việt Nam sống chung như vợ chồng tại nước ngoài trước ngày 03/01/1987, nay một bên tuyên thệ độc thân và nộp hồ sơ kết hôn tại Sở Tư pháp. Trường hợp này có cần yêu cầu đương sự phải làm thủ tục ly hôn hay không? Nếu phải làm thủ tục ly hôn thì hướng dẫn họ liên hệ với Tòa án có thẩm quyền nào để giải quyết? Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn (STP Đà Nẵng).

Trả lời: Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì:

“Người đang có vợ hoặc có chồng là:

- Người đã kết hôn với người khác theo đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nhưng chưa ly hôn;

- Người sống chung với người khác như vợ chồng từ trước ngày 03/01/1987 và đang chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn;

- Người sống chung với người khác như vợ chồng từ trước ngày 03/01/1987 đến trước ngày 01/01/2001 và đang chung sống với nhau như vợ chồng mà có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn (trường hợp này chỉ áp dụng từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực cho đến trước ngày 01/01/2003)”.
T

Tại Mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

“3. Việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này được thực hiện như sau:

a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 1 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và Gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu

cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000;

b) Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 1 năm 1987 đến ngày 01 tháng 1 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 1 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 1 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng;

c) Kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết.”

Theo hướng dẫn trên thì những người chung sống với người khác như vợ chồng trước ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn nhưng đến ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng; hoặc những người chung sống với người khác như vợ chồng từ trước ngày 03/01/1987 nhưng hiện nay không còn chung sống với nhau thì cũng không được coi là người đang có vợ hoặc đang có chồng. Như vậy, những trường hợp nêu trên không phải yêu cầu đương sự làm thủ tục ly hôn. Tuy nhiên, trong trường hợp hai bên có yêu cầu ly hôn thì Tòa án vẫn thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng (Điểm c, Mục 3, Nghị quyết số 35/2000/QH10).

2.15. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm trả lời khi địa phương đề nghị tra cứu Danh sách người được Chủ tịch nước đã ký xin thôi quốc tịch để kịp thời giải quyết cho công dân (STP Long An).

Trả lời: Do hiện nay, việc tra cứu danh sách những người đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch Việt Nam vẫn phải thực hiện thủ công, nên thời gian trả lời các địa phương thường bị chậm. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang xây dựng cơ sở dữ liệu về quốc tịch, dự kiến sẽ hoàn thành vào cuối năm 2011. Từ

đầu năm 2010, Bộ Tư pháp đã thực hiện việc cho đăng tải danh sách những người được Chủ tịch nước cho nhập, cho trở lại và cho thôi quốc tịch Việt Nam trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

2.16. Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn trường hợp người nước ngoài cư trú ổn định ở Việt Nam trên 15 năm và có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam nhưng họ không có giấy tờ tùy thân (STP Tây Ninh).

Trả lời: Theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008, thì chỉ những người không có đầy đủ giấy tờ về nhân thân, nhưng đã cư trú ổn định tại Việt Nam từ 20 năm trở lên tính đến ngày 01/7/2009, thì mới được xem xét giải quyết cho nhập quốc tịch Việt Nam theo trình tự, thủ tục và hồ sơ quy định tại Điều 8 Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.. Tất cả các trường hợp khác xin nhập quốc tịch Việt Nam thì đều phải đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 19 và 20 Luật Quốc tịch Việt Nam. Tuy nhiên, thực tế thì những người không quốc tịch cư trú dưới 20 năm vì không có giấy tờ tùy thân và không thể đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam nên sẽ gặp khó khăn khi làm hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam. Bộ Tư pháp đang tập hợp phản ánh của địa phương, phối hợp với Bộ Ngoại giao (đang đề xuất đàm phán và ký kết Điều ước song phương với các nước láng giềng về giải quyết giấy tờ pháp lý cho những người di cư tự do) để có cơ sở pháp lý giải quyết vấn đề này.

2.17. Khoản 2 điều 5 Nghị định 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 quy định người xin nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam (người nước ngoài, người không quốc tịch đang thường trú tại VN) phải nộp Thẻ thường trú do Công an Việt Nam cấp. Tuy nhiên Sở Tư pháp hướng dẫn đang sự liên hệ với Công an đều từ chối cấp Thẻ thường trú. Do vậy hồ sơ của những đối tượng này hiện đang gặp khó khăn, không thể hoàn chỉnh. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Công an có hướng chỉ đạo để Công an cấp tỉnh xem xét cấp Thẻ thường trú theo quy định (STP Đà Nẵng).

Trả lời: Theo kiến nghị của Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng, thì hiện nay Công an thành phố đều từ chối cấp Thẻ thường trú cho những người xin nhập quốc tịch Việt Nam. Việc cấp Thẻ thường trú là vấn đề thuộc thẩm quyền của Bộ Công an. Tuy nhiên trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ trao đổi với Bộ Công an theo hướng sẽ tạo điều kiện cho những người đã sinh sống, làm ăn, học tập,

kinh doanh tại địa phương có đủ điều kiện được cấp Thẻ thường trú sớm được cấp Thẻ để khi họ làm thủ tục xin nhập quốc tịch sẽ có đầy đủ các giấy tờ.

2.18. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm cho ý kiến chỉ đạo về việc giải quyết đăng ký hộ tịch, quốc tịch cho đối tượng là Việt Kiều từ Campuchia trở về; phụ nữ Campuchia lấy chồng là bộ đội Việt Nam và người Campuchia có chồng, vợ là người Việt Nam. Theo Công văn số 187/STP-HCTP ngày 17/02/2011 của STP Tây Ninh (STP Tây Ninh).

Trả lời: Bộ Tư pháp đã thực hiện việc khảo sát tại tỉnh Tây Ninh từ ngày 09/5 đến 12/5/2011 và nghiên cứu hướng giải quyết đối với vấn đề này.

2.19. Từ khi thực hiện Nghị định số 79/2007/NĐ-CP thì công tác chứng thực được giải quyết nhanh chóng và thông thoáng hơn không gây phiền hà cho người dân. Tuy nhiên, việc phân cấp phường, xã chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ văn bản bằng tiếng Việt, Phòng Tư pháp thực hiện chứng thực các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài đôi lúc gây khó khăn cho người dân khi cùng 1 lúc chứng thực 02 loại văn bản (tiếng Việt và tiếng nước ngoài) thì họ phải đến 2 cấp thẩm quyền khác nhau để được giải quyết. Kiến nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu bổ sung thẩm quyền cho Phòng Tư pháp cấp huyện được chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản tiếng Việt (STP Tây Ninh).

Trả lời: Vấn đề này đã được đưa vào nội dung Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký. Theo quy định này, Phòng Tư pháp ngoài thẩm quyền chứng thực các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài như quy định tại Nghị định số 79/2007/NĐ-CP còn có thẩm quyền chứng thực những giấy tờ văn bản tiếng Việt như UBND cấp phường, xã. Như vậy người dân khi có yêu cầu chứng thực đối với bản sao giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt thì người dân có quyền lựa chọn chứng thực tại UBND cấp xã hoặc Phòng tư pháp cấp huyện. Quy định này sẽ xóa bỏ tình trạng phức tạp trong việc phân định thẩm quyền chứng thực giữa Phòng tư pháp cấp huyện và UBND cấp xã đối với các giấy tờ, văn bản có sự đan xen phức tạp giữa tiếng Việt và tiếng nước ngoài như hiện nay, đồng thời tạo thuận lợi cho người dân khi có yêu cầu chứng thực đối với giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt và giấy tờ văn bản bằng tiếng nước ngoài cùng thời điểm.

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung đã được đăng tải trên cổng thông tin điện tử để ý kiến Bộ ngành, cơ quan tổ chức, sẽ trình Chính phủ trong tháng 8 năm 2011.

2.20. Mặc dù đã có quy định mức thù lao dịch thuật các giấy tờ tài liệu liên quan công tác chứng thực trên địa bàn tỉnh nhưng trên thực tế đội ngũ dịch thuật thu không đúng với mức giá quy định, điều này gây khó khăn cho người dân cũng như có những dư luận ảnh hưởng tới uy tín của Phòng Tư pháp. Kiến nghị Bộ Tư pháp có quy định cụ thể trong trường hợp này (STP Tây Ninh).

Trả lời: Tại điểm 7 Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 hướng dẫn thi hành một số Điều của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký đã hướng dẫn cụ thể về thù lao dịch thuật. Theo đó mức thù lao dịch thuật do người yêu cầu dịch và người dịch tự thỏa thuận trên cơ sở biểu mức thù lao dịch thuật do Sở Tư pháp phối hợp với Sở Tài chính xây dựng. Tuy nhiên quy định biểu mức dịch thuật này không được ban hành dưới dạng VBQPPL nên tại một số địa phương cộng tác viên dịch thuật đưa ra mức giá quá cao gây khó khăn cho người có yêu cầu dịch thuật..

2.21. Đề nghị Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính xem xét, điều chỉnh mức thu lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực, phí công chứng được quy định tại Thông tư liên tịch số 91/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 17/10/2008 và Thông tư liên tịch số 92/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 17/10/2008 của liên bộ Tài chính và Tư pháp cho phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và mức thu nhập của người dân (STP Hưng Yên).

Trả lời: Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu cụ thể, khảo sát địa phương về vấn đề này để có ý kiến với Bộ Tài chính. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang phối hợp với Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư liên tịch số 91/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 17/10/2008.

2.22. Việc phân cấp cho chính quyền xã, phường công chứng một số loại giấy tờ là phù hợp với xu hướng cải cách hành chính nhưng vẫn còn một số bất cập trong công tác lưu trữ hồ sơ. Đề nghị Bộ Tư pháp quy định rõ loại giấy tờ nào thật cần thiết phải lưu giữ, loại giấy tờ nào không cần lưu giữ thì bỏ, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân (STP Hưng Yên).

Trả lời: Lưu trữ văn bản là cơ sở để đối chiếu khi cần thiết và thực hiện pháp luật về văn thư nên quy định này là bắt buộc.

Điều 21 Nghị định số 79/2007NĐ-CP ngày 18/5/2007 quy định đối với việc chứng thực phải được lưu một bản sao để làm căn cứ đối chiếu khi cần thiết. Cơ quan tổ chức có thẩm quyền cấp bản sao từ sổ gốc, Chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký phải thực hiện các biện pháp an toàn, phòng chống cháy, nổ, ẩm, ướt, mối mọt đối với sổ sách, giấy tờ được lưu trữ. Thời hạn lưu trữ là 02 năm.

Theo quy định thì cơ quan thực hiện chứng thực phải lưu trữ một bản sao đối với các giấy tờ, văn bản đã được chứng thực để làm căn cứ đối chiếu khi cần thiết.

2.23. Đề nghị Bộ Tư pháp có văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể về việc cấp phiếu lý lịch tư pháp cho người nước ngoài cư trú tại Việt Nam (STP Hưng Yên).

Trả lời: Thủ tục này đã được quy định rõ trong Thông tư liên tịch số 07/1999/TTLT/BTP-BCA ngày 08/02/1999 của Bộ Tư pháp và Bộ công an quy định cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng xây dựng Thông tư liên tịch hướng dẫn trình tự, thủ tục trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

2.24. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai cụ thể thực hiện Luật Lý lịch tư pháp để các địa phương thuận lợi trong quá trình thực hiện (STP Kon Tum, Hưng Yên, Đắk - Lắk, Cần Thơ, Hà Nội, Khánh Hòa, Tây Ninh, Long An).

Trả lời: Luật Lý lịch tư pháp được Quốc hội khoá XII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2009 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2010. Ngày 23 tháng 11 năm 2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 111/2010/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 2369/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2010 phê duyệt Đề án “Xây dựng Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và kiện toàn tổ chức thuộc Sở Tư pháp để xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp”.

Ngày 27/6/2011, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 13/2011/TT-BTP về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tập trung chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Thông tư liên tịch Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối

cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn chi tiết trình tự, thủ tục cung cấp, trao đổi thông tin lý lịch tư pháp để sớm trình ký ban hành. Dự kiến thời gian ban hành Thông tư liên tịch là tháng 8/2011.

Bên cạnh đó, để bảo đảm triển khai đồng bộ, có hiệu quả Luật Lý lịch tư pháp, Nghị định số 111/2010/NĐ-CP và Quyết định số 2369/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đưa công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp đi vào nề nếp, ngày 06 tháng 5 năm 2011, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bí thư Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp đã có văn bản số 35-CV/BCS gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị phối hợp triển khai thực hiện Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết thi hành Luật tại các địa phương.

Bộ Tư pháp cũng đã có Công văn số 2907/BTP-TTLLTPQG ngày 20 tháng 5 năm 2011 gửi Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc cử cán bộ tham dự các khóa đào tạo về lý lịch tư pháp và bố trí, sắp xếp cán bộ làm công tác lý lịch tư pháp tại các Sở Tư pháp.

Bộ Tư pháp đã có Công văn số 3101/BTP-TTLLTPQG ngày 31/5/2011 gửi Tòa án nhân dân tối cao, trong đó, đề nghị Tòa án nhân dân tối cao chỉ đạo các Tòa án nhân dân địa phương trong việc cung cấp trích lục bản án hình sự, các quyết định liên quan đến thi hành án hình sự và các thông tin lý lịch tư pháp về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã cho Sở Tư pháp theo đúng quy định của Luật Lý lịch tư pháp và Quyết định số 2369/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 27/6/2011, **Tòa án nhân dân tối cao đã có Công văn số 55/TA-TKTH** gửi đồng chí Chánh án Tòa án quân sự trung ương; các đồng chí Chánh án Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong đó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu các đồng chí Chánh án Tòa án quân sự trung ương, Chánh án Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các bộ phận chức năng thường xuyên cung cấp kịp thời, đầy đủ các trích lục bản án hình sự, các quyết định liên quan đến thi hành án hình sự và các thông tin lý lịch tư pháp về án tích, về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã cho các cơ quan tư pháp theo đúng quy định của Luật Lý lịch tư pháp và Nghị định số 111/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

Tiếp đó, ngày 26 tháng 7 năm 2011, Bộ Tư pháp có Công văn số **4311/BTP-TTLLTPQG** gửi **Bộ Công an**, trong đó Bộ Tư pháp đề nghị Bộ

Công an quan tâm, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp theo đúng quy định của Luật Lý lịch tư pháp, Luật Thi hành án hình sự và Nghị định số 111/2010/NĐ-CP của Chính phủ”

2.25. *Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị Bộ Tài chính điều chỉnh mức thu lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp, theo đó tăng mức lệ phí sao cho phù hợp với tình hình hiện tại và giữ lại cơ quan thu lệ phí 50% (STP Cần Thơ).*

Trả lời: Ngày 23/11/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 111/2010/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. Tại Điều 6 của Nghị định quy định Bộ Tài chính có thẩm quyền hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Ngày 10/12/2010, Bộ Tài chính có Công văn số 16853/BTC-CST đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức nghiên cứu xây dựng Đề án lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp phục vụ cho việc soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý lý lịch tư pháp trong tình hình mới.

Để chuẩn bị cho việc xây dựng Đề án lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp,

ngày 20 tháng 5 năm 2011, Bộ Tư pháp có Công văn số 2906/BTP-TTLLTPQG gửi Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Quyết định số 94/2004/QĐ-BTP ngày 07 tháng 12 năm 2004 để phục vụ cho việc xây dựng Đề án nêu trên. Các Sở Tư pháp có trách nhiệm gửi báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Quyết định số 94/2004/QĐ-BTP ngày 07 tháng 12 năm 2004 về Bộ Tư pháp trước ngày 03 tháng 6 năm 2011.

Trên cơ sở Báo cáo tổng kết, đánh giá về tình hình thực hiện Quyết định số 94/2004/QĐ-BTC của các Sở Tư pháp gửi về, Bộ Tư pháp đã tiến hành xây dựng Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Quyết định số 94/2004/QĐ-BTC, đồng thời, thực hiện xây dựng Dự thảo Đề án lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Hiện nay, dự thảo Đề án đang được gửi lấy ý kiến các bộ, ngành có liên quan (Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Tổng cục thi hành án dân sự). Sau khi có ý kiến tham gia của các bộ, ngành có liên quan, Bộ Tư pháp sẽ chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Đề án về lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp để

gửi Bộ Tài chính đề xuất ban hành Thông tư hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp thay thế Quyết định số 94/2004/QĐ-BTC”.

2.26. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm xây dựng Đề án tin học hóa hoạt động quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp về án tích (STP Cần Thơ).

Trả lời: Theo quy định tại Quyết định số 2369/QĐ-TTg ngày 28/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia và kiện toàn tổ chức thuộc Sở Tư pháp để xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp”, Bộ Tư pháp xây dựng Dự án tin học hóa hoạt động quản lý lý lịch tư pháp. Trong thời gian trước mắt, Bộ Tư pháp xây dựng công cụ hỗ trợ ban đầu cho xử lý số liệu, cập nhật, xử lý, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và các Sở Tư pháp.

Ngày 14/4/2011, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 496/QĐ-BTP Phê duyệt Kế hoạch công tác năm 2011 của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia. Trong Kế hoạch công tác năm 2011 của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia có nhiệm vụ phối hợp với Cục Công nghệ thông tin tiến hành xây dựng, hoàn thành công cụ hỗ trợ ban đầu, phục vụ cho việc xử lý số liệu, cập nhật, xử lý, trao đổi cung cấp thông tin lý lịch tư pháp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và tại các Sở Tư pháp và xây dựng Báo cáo khả thi Dự án tin học hóa lý lịch tư pháp.

Hiện nay, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia đang phối hợp với Cục Công nghệ thông tin, Bộ Tư pháp xây dựng công cụ hỗ trợ ban đầu, phục vụ cho việc xử lý số liệu, cập nhật, xử lý, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và tại các Sở Tư pháp. Công cụ hỗ trợ đã được cài đặt tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia để thực hiện việc chạy thử. Cục Công nghệ thông tin đang phối hợp với Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện công cụ hỗ trợ này.

2.27. Thường xuyên tiến hành mở lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức, viên chức làm công tác lý lịch tư pháp theo quy định của luật (STP Cần Thơ).

Trả lời:

- Về đào tạo đội ngũ công chức, viên chức làm công tác lý lịch tư pháp: Ngày 04/4/2011, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 436/QĐ-BTP phê duyệt Kế hoạch mở lớp đào tạo nghiệp vụ lý lịch tư pháp khóa II.

Thực hiện Quyết định số 436/QĐ-BTP ngày 04/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc phê duyệt kế hoạch mở lớp đào tạo nghiệp vụ lý lịch tư pháp khóa II, ngày 04/4/2011 Bộ Tư pháp có Công văn số 1748/BTP-TCCB về việc chiêu sinh lớp đào tạo nghiệp vụ Lý lịch tư pháp khóa II năm 2011 gửi Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hiện nay, tổng số học viên Lớp đào tạo nghiệp vụ lý lịch tư pháp khóa II chính thức chỉ có 19 học viên, gồm các học viên thuộc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau: Hà Nội, Vĩnh Phúc, Thừa Thiên - Huế, Lạng Sơn, Hải Dương, Nam Định, Tây Ninh, Thái Nguyên, Cà Mau, Hà Nam, Bắc Giang, Lai Châu, Bình Phước, Đồng Tháp, Bình Dương, Quảng Nam, Bạc Liêu, Quảng Bình, Hòa Bình. Các Sở Tư pháp còn lại có nêu lý do là do công việc quá nhiều, không bố trí được người đi học hoặc không cử người đi học vì chưa có biên chế. Tuy nhiên, trong thời gian Bộ Tư pháp chưa mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng về lý lịch tư pháp, các Sở Tư pháp cần chủ động, quán triệt cho các công chức đã được đào tạo về nghiệp vụ lý lịch tư pháp có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn cho các công chức mới được tiếp nhận, điều chuyển sang làm công tác này tại Sở Tư pháp để có thể bắt tay ngay vào công việc.

- Về bồi dưỡng công chức, viên chức làm công tác lý lịch tư pháp: Theo Công văn số 100/BTP-KHTC ngày 06 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tư pháp, năm 2011, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia sẽ có 01 lớp tập huấn kỹ năng sử dụng công cụ hỗ trợ ban đầu cho xử lý thông tin lý lịch tư pháp và 01 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ lý lịch tư pháp.

2.28. Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể việc cập nhật, xử lý thông tin liên quan đến chứng tử, cải chính hộ tịch đối với mọi trường hợp hay chỉ đối với những người có án tích (STP Đà Nẵng).

Trả lời: Theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 111/2010/NĐ-CP “Cơ quan đăng ký hộ tịch khi ban hành Quyết định thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên; cấp Giấy chứng tử có trách nhiệm gửi bản chính hoặc bản sao quyết định, giấy chứng tử đó cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp”.

Như vậy, theo quy định của Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp có nhiệm vụ cập nhật, xử lý thông tin liên quan đến chứng tử, thay đổi, cải chính hộ tịch đối với mọi trường hợp chứ không chỉ đối với những người có án tích bởi vì cơ quan có thẩm quyền giải quyết các việc về thay đổi, cải chính hộ tịch không thể biết người được thay đổi,

cải chính hộ tịch là người có án tích hay không, do vậy, việc quy định các cơ quan này phải cung cấp các quyết định thay đổi, cải chính hộ tịch đối với người từ đủ 14 tuổi trở lên cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp nhằm mục đích xác định được những thay đổi về hộ tịch đối với những trường hợp có lý lịch tư pháp, đảm bảo việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp được chính xác.

Đối với quy định về việc cơ quan có thẩm quyền cung cấp Giấy chứng tử cũng tương tự như trên do cơ quan có thẩm quyền không thể xác định được người chết có lý lịch tư pháp hay không, do vậy, Nghị định số 111/2010/NĐ-CP quy định cơ quan có thẩm quyền đăng ký khai tử có trách nhiệm gửi Giấy chứng tử cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp nhằm mục đích khi đã xác định được những trường hợp có lý lịch tư pháp nhưng đã mất, thì có thể xóa bỏ những thông tin về những trường hợp đó trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 111/2010/NĐ-CP quy định: *“Bản sao bản án, trích lục bản án, quyết định thi hành án hình sự, giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, Lý lịch tư pháp của cá nhân được lưu trữ tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp đến khi cá nhân qua đời”*. Tuy nhiên, trên thực tế những trường hợp có lý lịch tư pháp là những trường hợp từ đủ 14 tuổi trở lên, hơn nữa, số lượng các trường hợp đăng ký khai tử tại các cơ quan hộ tịch hàng năm là tương đối lớn, do vậy, nếu theo quy định của Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, tất cả các trường hợp đăng ký khai tử đều phải gửi về cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, thì sẽ rất khó khăn cho những cơ quan này trong việc xử lý thông tin. Do đó, trong dự thảo Thông tư liên tịch Bộ Tư pháp, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn chi tiết trình tự, thủ tục cung cấp, trao đổi thông tin lý lịch tư pháp dự kiến quy định theo hướng đối với thông tin về đăng ký khai tử, cơ quan hộ tịch có thẩm quyền chỉ cung cấp Giấy chứng tử cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp đối với những trường hợp được đăng ký khai tử từ đủ 14 tuổi trở lên.

Hiện nay, công cụ hỗ trợ ban đầu cho xử lý số liệu, cập nhật, xử lý, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp được xây dựng có thiết kế nội dung để cập nhật, xử lý thông tin về chứng tử, thay đổi, cải chính hộ tịch. Tiến tới, nội dung này sẽ có sự kết nối với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, bảo đảm kết nối chính xác thông tin về người có lý lịch tư pháp trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là người được thay đổi, cải chính hộ tịch, được cấp Giấy chứng tử.

2.29. Quy định về thời gian cấp Phiếu lý lịch tư pháp quá ít trong khi thời gian thực hiện tra cứu thông tin lý lịch tư pháp tại cơ quan công an không thể đảm bảo vì thế công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân hiện nay gặp rất nhiều khó khăn. Đặc biệt, trong trường hợp khẩn cấp, theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng thì thời gian cấp Phiếu lý lịch tư pháp là 24h (khoản 2 Điều 48 Luật LLTP và khoản 2 Điều 25 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP), nếu không có cơ chế phối hợp cụ thể thì không thể thực hiện được (STP Đà Nẵng).

Trả lời: Theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp, cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được xây dựng và quản lý tại Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia thuộc Bộ Tư pháp và tại Sở Tư pháp.

Việc xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp đặt ra yêu cầu không chỉ tiếp nhận, cập nhật và xử lý thông tin lý lịch tư pháp từ ngày Luật này có hiệu lực mà còn phải cập nhật, xử lý thông tin lý lịch tư pháp đã có từ trước. Để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của hoạt động quản lý lý lịch tư pháp, đồng thời tạo thuận lợi cho việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Luật Lý lịch tư pháp xác định rõ nhiệm vụ của Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan trong việc trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích, thông tin lý lịch tư pháp về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã có trước ngày Luật này có hiệu lực để phục vụ việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp và xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Nhằm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành vấn đề này, Nghị định số 111/2010/NĐ-CP đã quy định cụ thể việc phối hợp, tra cứu thông tin lý lịch tư pháp về án tích có trước ngày 01 tháng 7 năm 2010 để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Về tra cứu thông tin phục vụ việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp, hiện nay, do cơ sở dữ liệu mới đang trong quá trình xây dựng, nên đối với thông tin lý lịch tư pháp đã có từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2010 (ngày Luật Lý lịch tư pháp có hiệu lực pháp luật) Sở Tư pháp, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia phải phối hợp với các cơ quan có liên quan: Công an, Tòa án, Viện kiểm sát ... để tra cứu, xác minh thông tin lý lịch tư pháp. Do vậy, việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp đối với những trường hợp này thường không bảo đảm thời gian theo Luật định.

Theo quy định tại Điều 48 của Luật Lý lịch tư pháp thì “Thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài...,

trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích ... thì thời hạn không quá 15 ngày. Trường hợp khẩn cấp quy định tại khoản 1 Điều 46 của Luật này thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu".

Theo tinh thần của Luật Lý lịch tư pháp, thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp chỉ áp dụng đối với các trường hợp mà cơ sở dữ liệu lưu trữ đầy đủ thông tin lý lịch tư pháp có từ ngày 01 tháng 7 năm 2010 (ngày Luật Lý lịch tư pháp có hiệu lực pháp luật). Đối với các thông tin lý lịch tư pháp có trước ngày 01 tháng 7 năm 2010, do phải phối hợp tra cứu, xác minh thông tin tại nhiều cơ quan, nên thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp thường không bảo đảm thời gian theo Luật định. Chúng ta phải chấp nhận thực tế này trong giai đoạn quá độ. Tuy nhiên, các Sở Tư pháp cần chủ động trong việc phối hợp tra cứu, xác minh thông tin với các cơ quan có liên quan; nâng cao trách nhiệm, vai trò của các cơ quan trong việc phối hợp tra cứu, xác minh thông tin lý lịch tư pháp, hạn chế tối đa việc kéo dài thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Mặt khác, các Sở Tư pháp cần đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và quản lý lý lịch tư pháp, tiến tới thực hiện việc kết nối, chia sẻ thông tin với các cơ quan có liên quan. Bên cạnh đó, các Sở Tư pháp khi thực hiện việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân, cơ quan, tổ chức, cần chủ động giải thích rõ hơn về tình hình phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để người dân hiểu, đồng thời, trong Phiếu hẹn trả kết quả cấp Phiếu lý lịch tư pháp, có thể ghi số điện thoại của bộ phận thực hiện công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp thuộc Sở Tư pháp và hướng dẫn cho người dân đến ngày lấy kết quả có thể gọi điện để xem tình trạng hồ sơ đã được giải quyết như thế nào, tránh tình trạng người dân phải đi lại nhiều lần, gây khó khăn, phiền hà cho người dân. Khi cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp đã được xây dựng cơ bản, công tác phối hợp giữa các cơ quan đi vào nền nếp, Bộ Tư pháp sẽ có báo cáo cụ thể với Chính phủ để Chính phủ quy định thời gian cấp Phiếu lý lịch tư pháp phù hợp, khả thi đối với các trường hợp này

2.30. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành các quy định, hướng dẫn cụ thể về cơ chế, tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, kinh phí để triển khai Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (STP Hưng Yên, Phú Thọ, Khánh Hòa, Hải Phòng).

Trả lời:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn nêu trên, Bộ Tư pháp đã có buổi làm việc với Bộ Nội vụ, theo đó, thống nhất chủ trương không sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV (*Hướng*

dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và công tác tư pháp của Ủy ban nhân dân cấp xã) mà ban hành một. Thông tư liên tịch riêng giữa Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ để hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường (TTLT).

Về nội dung, để bảo đảm thực hiện đồng bộ, thống nhất nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường trên phạm vi cả nước, đồng thời, thống nhất với phương án đề cập tại *Đề án xây dựng Cục Bồi thường nhà nước trực thuộc Bộ Tư pháp và kiện toàn bộ máy tổ chức thuộc Sở Tư pháp, tổ chức pháp chế để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường* mà Bộ Tư pháp đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ thì dự thảo TTLT dự kiến sẽ hướng dẫn, theo đó, nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường sẽ thống nhất giao về Phòng hành chính tư pháp thuộc Sở Tư pháp. Đối với các Sở Tư pháp mà hiện nay trong cơ cấu tổ chức chưa có Phòng Hành chính tư pháp thì giao nhiệm vụ này cho Phòng chuyên môn đảm nhận công tác hành chính tư pháp thực hiện nhiệm vụ có liên quan về quản lý nhà nước về công tác bồi thường.

Về tiến độ xây dựng TTLT, hiện nay, Bộ Tư pháp đã hoàn chỉnh dự thảo TTLT và đã gửi xin ý kiến chính thức Bộ Nội vụ. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Nội vụ, các đơn vị liên quan của Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý để kịp thời trình lãnh đạo hai Bộ ký ban hành.

2.31. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết, cụ thể về đăng ký giao dịch bảo đảm (STP Khánh Hòa, Đắk Lắk).

Trả lời:

Triển khai Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm, Bộ Tư pháp đã chủ trì soạn thảo, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản hướng dẫn sau đây:

a) Các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành

- Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06/12/2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên việc kê biên tài sản thi hành án.

- Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16/02/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp

đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp (thay thế Thông tư số 06, 03, 04 và 07).

- Thông tư liên tịch số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18/5/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên (thay thế Thông tư liên tịch số 03/2007/TTLT-BTC-BTP, Thông tư liên tịch số 36/2008/TTLT-BTC-BTP về lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm).

b) Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đang chỉnh lý, hoàn thiện

- Thông tư liên tịch hướng dẫn về trình tự, thủ tục đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, đăng ký thế chấp tàu biển;

- Thông tư liên tịch hướng dẫn về trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (thay thế TTLT số 05/2005/TTLT-BTP-BTNMT, TTLT số 03/2006/TTLT-BTP-BTNMT và TTLT số 06/2010/TTLT-BTP-BTNMT).

Bộ Tư pháp đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị hữu quan chỉnh lý, hoàn thiện các dự thảo văn bản này và dự kiến ban hành trong tháng 9/2011.

2.32. Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường tổ chức tập huấn nghiệp vụ về đăng ký giao dịch bảo đảm theo Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm (STP Hà Giang, Sóc Trăng).

Trả lời: Theo Quyết định số 482/QĐ-BTP ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ngành Tư pháp năm 2011, Bộ Tư pháp sẽ chủ trì tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về giao dịch bảo đảm, đăng ký giao dịch bảo đảm cho các đối tượng là công chức làm công tác quản lý đăng ký giao dịch bảo đảm của các Sở Tư pháp, cán bộ đăng ký của các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm. Thời gian dự kiến quý III/2011 (sau khi các văn bản hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm được ban hành đầy đủ).

2.33. Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn Sở Tư pháp thực hiện nhiệm vụ giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm (STP Hòa Bình, Vĩnh Long).

Trả lời: Ngày 14/9/2010, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 3241/BTP-ĐKGDBĐ gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai thực hiện Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 về đăng ký giao dịch bảo đảm. Theo đó, Bộ Tư pháp cũng đã nêu rõ trách nhiệm của Sở Tư pháp trong việc giúp UBND cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm ở địa phương. Tuy nhiên, đây là một nhiệm vụ mới, phức tạp, do vậy, Bộ Tư pháp xác định một trong những nội dung quan trọng của Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về giao dịch bảo đảm, đăng ký giao dịch bảo đảm (do Bộ Tư pháp tổ chức theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ngành Tư pháp năm 2011) là tập huấn, hướng dẫn về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Sở Tư pháp trong quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm. Mặt khác, Bộ Tư pháp sẵn sàng phối hợp với Sở Tư pháp triển khai tập huấn, phổ biến pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm cho cán bộ, công chức Sở Tư pháp, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, tổ chức hành nghề công chứng, tổ chức tín dụng trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Cục Đăng ký đã cử Báo cáo viên pháp luật cấp Trung ương tham gia thuyết trình, giới thiệu Nghị định số 83/2010/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan tại các địa phương như: Nam Định, Bắc Giang, Bắc Kạn, TP. Đà Nẵng...).

3. Về công tác hỗ trợ tư pháp

3.1. Đề nghị sửa đổi Luật Công chứng về thẩm quyền bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng Công chứng, nên bổ sung các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, quản lý của STP và Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện được miễn đào tạo nghề công chứng, vì những cán bộ này đã am hiểu, nắm vững nghiệp vụ công chứng qua thực tiễn công tác lãnh đạo, quản lý và thực thi công vụ, nên bãi bỏ việc niêm yết khai nhận di sản, tuổi tối đa của người đề nghị bổ nhiệm làm Công chứng viên là không được quá 65 tuổi đối với nam, 60 tuổi đối với nữ... (STP Cao Bằng, Hưng Yên, Đắk Lắk).

Trả lời: Qua thực tiễn thi hành Luật Công chứng trong hơn 3 năm qua cho thấy một số quy định của Luật đã bộc lộ những hạn chế, bất cập như sự phát triển tổ chức hành nghề công chứng chưa có quy hoạch tổng thể, hợp lý trên cả nước và trên từng địa phương; chất lượng và số lượng một bộ phận công chứng viên còn bất cập, nhất là những người không qua đào tạo, tập sự hành nghề công chứng (đã là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên...) dẫn đến sự non kém hoặc tắc trách về chuyên môn nghiệp vụ, do đó chất lượng công chứng chưa hoàn toàn đáp ứng tốt

các yêu cầu xã hội; có những quy định mâu thuẫn với các văn bản quy phạm pháp luật khác; có những quy định chưa phù hợp, chưa đầy đủ, thiếu rõ ràng và còn có những cách hiểu khác nhau gây khó khăn cho việc triển khai và tổ chức thực hiện Luật Công chứng... Do đó, về những vấn đề nêu trên, hiện nay, Bộ Tư pháp đang tập hợp những khó khăn, vướng mắc, những kiến nghị, đề xuất của các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Luật Công chứng và các văn bản hướng dẫn thi hành làm cơ sở thực tiễn để nghiên cứu xây dựng sửa đổi, bổ sung toàn diện Luật Công chứng năm 2006, trên cơ sở đó đề xuất sớm đưa Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng vào Chương trình chuẩn bị của Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 của Quốc hội khóa XIII.

3.2. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ để cho phép một luật sư ở các tỉnh miền núi có thể cùng hành nghề công chứng và đấu giá viên để khắc phục tình trạng thiếu luật sư, công chứng và đấu giá viên (STP Hà Giang).

Trả lời: Theo điểm c khoản 2 Điều 20 của Luật Công chứng năm 2006 quy định: Công chứng viên bị miễn nhiệm trong trường hợp kiêm nhiệm công việc khác. Đối với trường hợp luật sư đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật Công chứng được xem xét để bổ nhiệm làm công chứng viên nhưng khi đăng ký hoạt động hành nghề công chứng thì phải rút tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư và chấm dứt hành nghề luật sư. Vì vậy, việc đề xuất cho phép một luật sư ở các tỉnh miền núi có thể cùng hành nghề công chứng là không phù hợp với quy định pháp luật hiện hành về công chứng.

Theo quy định của Luật Luật sư, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này và Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 về bán đấu giá tài sản thì hiện tại luật sư không bị cấm kiêm nhiệm hoạt động bán đấu giá tài sản. Vì vậy, một người đang là luật sư vẫn được cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá, song phải tuân thủ các điều kiện về hành nghề đấu giá theo quy định của pháp luật như: đấu giá viên phải làm việc thường xuyên tại một tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp. Trong vòng 01 năm nếu người đã được cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá không hoạt động trong lĩnh vực bán đấu giá thì người đó sẽ bị thu hồi Chứng chỉ. Như vậy, đối với các tỉnh miền núi gặp khó khăn vì thiếu đấu giá viên thì các luật sư tại địa phương đó có thể đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá để bổ sung nguồn nhân lực đấu giá.

3.3. Tỉnh Hà Giang đang thiếu luật sư, đề nghị Bộ Tư pháp vận dụng, cho phép các cán bộ đã nghỉ hưu mà trước đó đã làm thẩm phán, kiểm sát viên, điều

tra viên, nhưng chưa có bằng cử nhân Luật (có Bằng Trung cấp An Ninh, Kiểm sát...) được hành nghề luật sư (STP Hà Giang).

Trả lời: Yêu cầu có bằng cử nhân luật là tiêu chuẩn cứng để hành nghề luật sư (Điều 10 Luật Luật sư). Do vậy, việc cho phép các cán bộ nghỉ hưu chưa có bằng cử nhân luật, trước đó đã làm thẩm phán, kiểm sát viên... hành nghề luật sư là trái với quy định hiện hành của pháp luật về luật sư. Việc yêu cầu luật sư phải có chứng chỉ hành nghề luật sư như quy định tại Điều 10 Luật Luật sư nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ của luật sư.

3.4. Đề nghị Bộ Tư pháp quy định trường hợp thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Tổ chức hành nghề luật sư (STP Phú Yên); Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành Thông tư thay thế Thông tư 02/2007/TT-BTP hướng dẫn quy định Luật Luật sư, Nghị định 28 và Nghị định 131 (STP Đà Nẵng).

Trả lời: Quy định về việc thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư đã được nghiên cứu và quy định tại Điều 11 của Dự thảo Thông tư hướng dẫn một số quy định của Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư, Nghị định hướng dẫn thi hành các quy định của Luật Luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư (sau đây gọi tắt là Dự thảo Thông tư). Dự thảo Thông tư này đã nhiều lần được gửi lấy ý kiến và đang được hoàn thiện để trình Lãnh đạo Bộ Tư pháp ký ban hành. Dự thảo Thông tư được ban hành sẽ thay thế Thông tư số 02/2007/TT-BTP ngày 25/7/2007 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư và Nghị định 131.

3.5. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường sớm sửa đổi Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT/BTP-BTNMT (STP Đắk Lắk).

Trả lời: Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT/BTP-BTNMT được ban hành trước Luật Công chứng và hướng dẫn thi hành Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần. Trong đó, Nghị định số 17/2006/NĐ-CP quy định cho phép Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao có thẩm quyền xác nhận các văn bản trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao. Do vậy, một số quy định tại Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT/BTP-BTNMT không còn phù hợp với quy định của Luật

Công chứng như: thời hạn công chứng hợp đồng, văn bản; xác nhận hợp đồng, văn bản của Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế...

Vì vậy, để sửa đổi Thông tư liên tịch nêu trên, hiện nay Bộ Tư pháp đang xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 02/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng, trong đó có nội dung sửa đổi quy định không phù hợp của Nghị định số 17/2006/NĐ-CP. Trong năm 2012, trên cơ sở Luật Công chứng và Nghị định thay thế Nghị định 02/2008/NĐ-CP, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tiến hành rà soát sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch này để phù hợp với các quy định của Luật Công chứng và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3.6. Đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức định kỳ các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chứng viên (STP Đà Nẵng)

Trả lời: Năm 2009, Bộ Tư pháp đã tiến hành tổ chức 02 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ công chứng viên. Năm 2011, Bộ Tư pháp đã tổ chức 02 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng cho đội ngũ công chứng viên trong cả nước tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, trong khuôn khổ thực hiện Bản ghi nhớ hợp tác năm 2011 ký giữa Bộ Tư pháp và Hội đồng Công chứng tối cao Cộng hòa Pháp, ngày 30/5/2010, Nhà Pháp luật Việt - Pháp đã tổ chức lớp bồi dưỡng dành cho các công chứng viên đang hành nghề tại Hà Nội và một số tỉnh thành lân cận... Trong thời gian tới, để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như kỹ năng hành nghề công chứng cho đội ngũ công chứng viên, Bộ Tư pháp dự kiến sẽ tổ chức thêm các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng.

3.7. Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể về thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng giao dịch được UBND cấp xã chứng thực khi chuyển giao cho các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện; hướng dẫn cụ thể đối với các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho Công chứng viên (STP Vĩnh Phúc).

Trả lời:

- Về hướng dẫn cụ thể về thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng giao dịch được UBND cấp xã chứng thực khi chuyển giao cho các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện:

Trong thời gian vừa qua, một số địa phương đã có Công văn hỏi Bộ Tư pháp liên quan về vấn đề này như Sở Tư pháp Trà Vinh, Lào Cai, trên cơ sở đó Bộ Tư pháp đã có Công văn hướng dẫn kịp thời. Tuy nhiên, để có thể hướng dẫn, chỉ đạo thống nhất trên phạm vi toàn quốc về vấn đề công chứng văn bản sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã chứng thực tại UBND cấp xã khi chuyển giao cho các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện nói riêng và công tác tham mưu chuyển giao việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch từ Ủy ban nhân dân sang cho tổ chức hành nghề công chứng (giai đoạn 2) thì trong quý III/2011 Bộ Tư pháp có Công văn hướng dẫn các địa phương tiến hành sơ kết giai đoạn 1 việc chuyển giao việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch từ Ủy ban nhân dân sang cho tổ chức hành nghề công chứng.

- Về việc hướng dẫn cụ thể đối với các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho công chứng viên:

Hiện nay, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 11/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 hướng dẫn thực hiện một số nội dung về công chứng viên, tổ chức và hoạt động công chứng, quản lý nhà nước về công chứng (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2011), trong đó, có hướng dẫn cụ thể về vấn đề các Văn phòng công chứng thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho công chứng viên.

3.8. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm hướng dẫn về quy hoạch các tổ chức hành nghề công chứng của Thành phố (STP Hà Nội)

Trả lời: Theo Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 17/2/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí quy hoạch phát triển tổ chức hành nghề công chứng ở Việt Nam đến năm 2020 có quy định: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan trên địa bàn tổ chức thực hiện việc rà soát, đánh giá lại Đề án phát triển tổ chức hành nghề công chứng ở địa phương mình đã ban hành theo quy định của Nghị định số 02/2008/NĐ-CP, đồng thời căn cứ vào Tiêu chí quy hoạch thực hiện việc xây dựng Đề xuất quy hoạch tổ chức hành nghề công chứng ở địa phương gửi về Bộ Tư pháp trước ngày 15/4/2011 để Bộ Tư pháp tiến hành thẩm định, xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng ở Việt Nam đến năm 2020.

Ngay trong tháng 3/2011, Bộ Tư pháp đã tổ chức 02 Hội nghị tập huấn về Tiêu chí quy hoạch phát triển tổ chức hành nghề công chứng ở Việt Nam đến năm 2020 theo Quyết định số 240/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tiếp theo Bộ Tư pháp đã ban hành Công văn số 1428/BTP-BTTP ngày 23/3/2011 về việc thực hiện Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 17/2/2011 của Thủ tướng Chính phủ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Công văn số 2162/BTP-BTTP ngày 22/4/2011 về việc thực hiện Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 17/2/2011, gửi Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc xây dựng Đề xuất quy hoạch phát triển tổ chức hành nghề công chứng ở địa phương.

Như vậy, sau khi Tiêu chí quy hoạch phát triển tổ chức hành nghề công chứng ở Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành, đến nay Bộ Tư pháp đã kịp thời hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong cả nước xây dựng Đề xuất quy hoạch tổ chức hành nghề công chứng ở địa phương để gửi về Bộ Tư pháp.

3.9. Đề nghị Bộ Tư pháp giúp Chính phủ trình Quốc hội để sớm ban hành Luật Giám định tư pháp thay thế Pháp lệnh về Giám định tư pháp năm 2004 (STP Hà Giang, Hòa Bình, Hưng Yên).

Trả lời: Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội khoá XII, trong thời gian qua, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng dự án Luật Giám định tư pháp. Bộ tư pháp đã hoàn chỉnh Dự thảo và trình Chính phủ vào ngày 15/8/2011 để kịp trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến trong Kỳ họp thứ 2 - tháng 10/2011 và trình Quốc hội xem xét, thông qua vào Kỳ họp thứ 3 của Quốc hội khoá XIII.

3.10. Đề nghị Bộ Tư pháp lập và công bố Danh sách các tổ chức chuyên môn đủ điều kiện thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng (STP Long An).

Trả lời: Đây là giải pháp thực hiện nhiệm vụ huy động, thu hút các cơ quan, tổ chức chuyên môn có năng lực, điều kiện trong các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực giám định xây dựng nhằm bảo đảm đáp ứng kịp thời yêu cầu giám định của hoạt động tố tụng. Nội dung này đã được quy định cụ thể trong điểm 2.2.3 thuộc mục 2.2, 2, phần IV về nhiệm vụ và giải pháp trong Đề án “Đổi mới và

nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 258/QĐ-TTg ngày 11/02/2010 và nhiệm vụ này được giao cho Bộ Xây dựng chủ trì thực hiện trong thời gian từ năm 2010 - 2011. Vì vậy, trong thời gian tới, với tư cách là Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 258 ở cấp Trung ương, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục đôn đốc Bộ Xây dựng cũng như các Bộ, ngành chủ quản quan tâm, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ này.

3.11. Đề nghị Bộ Tư pháp mở lớp tập huấn để tập huấn cho các giám định viên tư pháp ở địa phương vì ở tỉnh chưa đủ điều kiện chuyên môn để tập huấn (Sở Tư pháp Sóc Trăng, Phú Thọ).

Trả lời: Trong những năm qua, Bộ Tư pháp đã tổ chức một số lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho đội ngũ giám định viên trong cả nước. Tuy nhiên, để bảo đảm hiệu quả các lớp bồi dưỡng trong thời gian tới, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các Bộ, ngành ở Trung ương và các địa phương trong việc xây dựng nội dung, chương trình và tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn và kiến thức pháp lý cho đội ngũ giám định viên tư pháp trong cả nước ở các lĩnh vực, đồng thời cần có sự tạo điều kiện của các địa phương cho các giám định viên tham gia đầy đủ, cũng như cần có cơ chế phối hợp bảo đảm sự tham gia tích cực, nghiêm túc của các giám định viên tư pháp.

3.12. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các bộ, ngành quy định chi tiết phí giám định tư pháp cho giám định viên thực hiện vụ việc; ban hành quy trình, quy chuẩn chuyên môn cho các giám định (STP Phú Thọ, Đà Nẵng).

Trả lời: Trong những năm qua, Bộ Tư pháp đã rất tích cực làm đầu mối, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và một số bộ, ngành có liên quan xây dựng Đề án thu phí giám định tư pháp, mà trước mắt là trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự để đề nghị Bộ Tài chính ban hành theo thẩm quyền. Đến nay, Bộ Tài chính đang hoàn chỉnh dự thảo Thông tư quy định về chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y và tiếp theo đó sẽ là quy định về phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự và các lĩnh vực khác.

Về quy trình, quy chuẩn giám định tư pháp, hiện nay các Bộ, ngành chủ quản đang triển khai thực hiện nhiệm vụ này theo quy định của Đề án “Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp” và Chỉ thị số 1958/CT-TTg ngày 25/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách nhằm

tăng cường năng lực, hiệu quả giám định tư pháp. Tuy nhiên, đây là nội dung nhiệm vụ khó, phức tạp, các Bộ, ngành chủ quản cần có thêm thời gian khảo sát, rà soát và nghiên cứu các quy chuẩn chuyên môn trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý của mình cũng như đặc thù của giám định tư pháp. Do đó, tiến độ thực hiện nhiệm vụ này chưa bảo đảm thời hạn được giao.

3.13. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành Thông tư liên tịch với Bộ Tài chính về hướng dẫn Nghị định 17/2010/NĐ-CP (STP Quảng Bình, Đà Nẵng).

Trả lời: Thời gian qua, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 96/2006/TT-BTC về phí bán đấu giá và gửi lấy ý kiến của các địa phương trong tháng 5/2011. Bộ Tài chính đang khẩn trương chỉnh lý dự thảo và sớm ban hành Thông tư này.

Bộ Tư pháp đang phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng Thông tư liên tịch hướng dẫn việc bán đấu giá quyền sử dụng đất (đã có Dự thảo lần 2).

3.14. Sở Tư pháp Gia Lai có 2 văn bản kiến nghị tới Vụ Bổ trợ tư pháp (số 573/STP-BTTP ngày 12/11/2010 về đấu giá và số 60/STP-HCTP-BTTP ngày 22/02/2011 về công chứng) nhưng chưa được trả lời (STP Gia Lai).

Trả lời:

- Về công văn số 573/STP-BTTP ngày 12/11/2010 về đấu giá: Sau khi nhận được Công văn nêu trên, do có nhiều nội dung thuộc chức năng của một số đơn vị của Bộ Tư pháp nên Vụ Bổ trợ tư pháp đã phối hợp với các đơn vị liên quan (Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật) nghiên cứu và soạn thảo văn bản trả lời Sở Tư pháp Gia Lai: Công văn số 161/BTP-BTTP ngày 14/01/2011. Vì vậy, đề nghị Sở Tư pháp Gia Lai kiểm tra lại thông tin này.

- Về nội dung Công văn số 60/STP-HCTP-BTTP phản ánh: việc quy định cho tổ chức hành nghề công chứng và người yêu cầu công chứng thỏa thuận về mức chi phí trong trường hợp người yêu cầu công chứng đề nghị xác minh, giám định hoặc thực hiện công chứng ngoài trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng,... thì Nhà nước không thể can thiệp vào việc tổ chức hành nghề công chứng ấn định mức chi phí cao cho người yêu cầu công chứng, về vấn đề này, Bộ Tư pháp đang tập hợp những khó khăn, vướng mắc, những kiến nghị, đề xuất của các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Luật Công chứng và các

văn bản hướng dẫn thi hành để nghiên cứu xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng để trình Quốc hội khóa XIII.

3.15. Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể về bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất có giá trị lớn hoặc phức tạp để thành lập Hội đồng bán đấu giá trong trường hợp đặc biệt quy định tại Điều 20 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP (STP Hà Giang)

Trả lời: Vấn đề này sẽ được Bộ Tư pháp nghiên cứu, cân nhắc để có quy định hướng dẫn trong dự thảo Thông tư liên tịch hướng dẫn bán đấu giá quyền sử dụng đất.

3.16. Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu để Chính phủ sớm trình Quốc hội Luật bán đấu giá tài sản (STP Vĩnh Phúc).

Trả lời: Tháng 3/2011, Bộ Tư pháp đã có văn bản đề xuất xây dựng Luật Đấu giá tài sản để Chính phủ tổng hợp và đề nghị trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII. Dự kiến sẽ tiến hành soạn thảo Luật này từ năm 2013, trình Quốc hội thông qua năm 2015.

3.17. Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét phân cấp cho cấp huyện thành lập Hội đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất ở các vùng sau, vùng xa điều kiện đi lại khó khăn, giá trị quyền sử dụng đất dưới 30 triệu đồng/1 thửa, tài sản có giá trị dưới 10 triệu đồng; xem xét, hướng dẫn việc bán đấu giá tài sản có giá trị nhỏ thuộc thẩm quyền cấp huyện có thể tập trung lại sau đó tổ chức trong cùng một phiên bán đấu giá; hướng dẫn việc tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp từ chối cử đấu giá viên trong những trường hợp cụ thể như giá trị tài sản nhỏ, chi phí cho đấu giá viên đi lại lớn hơn phí đấu giá thu được. Đối với tài sản là quyền sử dụng đất được thu một tỷ lệ % nhất định của người bán đấu giá để đảm bảo cho việc chi phí bán đấu giá (thực tế bán đấu giá quyền sử dụng đất tại Hà Giang thu phí bán đấu giá không đủ để thanh toán tiền công tác phí cho cán bộ) (STP Hà Giang).

Trả lời: Việc thành lập hội đồng ở cấp huyện để bán đấu giá tài sản phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các pháp luật khác có liên quan. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, hướng dẫn về việc thành lập Hội đồng bán đấu giá trong trường hợp đặc biệt để bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với tài sản có giá trị lớn, phức tạp hoặc trong trường

hợp không thuê được tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp (dự kiến đưa vào nội dung Thông tư liên tịch).

Vấn đề thu phí bán đấu giá của người có tài sản là quyền sử dụng đất đã được nghiên cứu và quy định trong dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 96/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá.

Việc sắp xếp để bán nhiều tài sản trong một cuộc bán đấu giá hoàn toàn tùy thuộc vào quyền quyết định của hội đồng bán đấu giá tài sản và thỏa thuận với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp, đấu giá viên. Trong trường hợp chi phí đi lại của đấu giá viên cao hơn phí bán đấu giá thì về nguyên tắc phần vượt trội đó vẫn được cân đối bằng ngân sách nhà nước.

3.18. Hiện nay Thông tư số 137/2010/TT-BTC có mâu thuẫn với Điều 37 Nghị định 128/2008/NĐ-CP về quản lý số tiền thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính. Đề nghị Bộ Tư pháp có văn bản hướng dẫn thống nhất việc thu phí bán đấu giá (STP Hà Giang).

Trả lời: Thời gian qua, trên cơ sở kiến nghị của một số địa phương, Bộ Tư pháp đã phối hợp với một số đơn vị chức năng của Bộ Tài chính nghiên cứu xử lý vướng mắc khi thực hiện khoản 2 Điều 1 Thông tư 137/2010/TT-BTC. Đến nay, Bộ Tài chính đang xây dựng phương án cụ thể về vấn đề này và dự kiến đưa vào nội dung dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2010/TT-BTC ngày 20/01/2010 của Bộ Tài chính.

3.19. Đề nghị Bộ Tư pháp khi cấp thẻ đấu giá viên nên gửi qua Sở Tư pháp nơi người được cấp đăng ký thường trú để Sở Tư pháp thuận lợi trong theo dõi (STP Đắk Lắk).

Trả lời: Hiện nay, theo quy định của Nghị định 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ về bán đấu giá tài sản và Thông tư 23/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp, Bộ Tư pháp gửi trực tiếp Chứng chỉ hành nghề đấu giá cho người đề nghị cấp Chứng chỉ theo quy định mà không gửi qua Sở Tư pháp, vì đây là thủ tục hành chính do cá nhân thực hiện. Sau khi cấp Chứng chỉ hành nghề cho đấu giá viên thì Bộ Tư pháp gửi 01 bản quyết định kèm theo danh sách đấu giá viên cho Sở Tư pháp nơi người đó đăng ký thường trú để theo dõi, quản lý trên địa bàn.

3.20. Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm hỗ trợ việc tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ Đấu giá viên của Thành phố (STP Hà Nội)

Trả lời: Để triển khai Nghị định số 17/2010/NĐ-CP về bán đấu giá tài sản, ngoài việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định, Bộ Tư pháp cũng rất quan tâm đến việc phổ biến, tập huấn các quy định pháp luật mới và hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương. Trong điều kiện Bộ Tư pháp chưa tổ chức được ngay các lớp tập huấn nghiệp vụ cho đấu giá viên của nhiều địa phương, đề nghị Sở Tư pháp Hà Nội chủ động đề xuất về nhu cầu tập huấn, nội dung chương trình và chuẩn bị kế hoạch tổ chức tập huấn cho đội ngũ đấu giá viên trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.21. Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét có văn bản chỉ đạo cụ thể việc giao thẩm quyền chuẩn bị hồ sơ đấu giá đất ở các quận, huyện cho Trung tâm phát triển quỹ đất quận, huyện thực hiện (STP Hà Nội).

Trả lời: Điều 16 Thông tư số 23/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định 17/2010/NĐ-CP về bán đấu giá tài sản đã quy định khá rõ về vai trò của tổ chức bán đấu giá tài sản, tổ chức phát triển quỹ đất trong việc phối hợp thực hiện bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất. Do vậy, việc phân công tổ chức, đơn vị nào chuẩn bị hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất phải căn cứ vào quy định của Nghị định 17/2010/NĐ-CP, Thông tư số 23/2010/TT-BTP, các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai và quy chế bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất trên địa bàn do UBND cấp tỉnh ban hành. Đối với thành phố Hà Nội, Sở Tư pháp cần chủ động tham mưu cho UBND thành phố khẩn trương sửa đổi, bổ sung và sớm ban hành quy chế bán đấu giá tài sản, quy chế bán đấu giá quyền sử dụng đất phù hợp với pháp luật hiện hành về bán đấu giá tài sản và pháp luật về đất đai.

3.22. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm xây dựng tiêu chí cụ thể để tránh tình trạng phát triển doanh nghiệp bán đấu giá quá nóng. Trong khi chờ Bộ Tư pháp xây dựng tiêu chí đề nghị Bộ phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản chỉ đạo các địa phương về việc cho đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp bán đấu giá tài sản. Trước mắt khi các địa phương đã kiện toàn được Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản đáp ứng yêu cầu đấu giá trên địa bàn thì không đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp bán đấu giá tài sản cũng như chi nhánh của doanh nghiệp bán đấu giá tài sản (STP Hà Nam).

Trả lời: Bán đấu giá tài sản là lĩnh vực kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về bán đấu giá tài sản. Do vậy, một doanh nghiệp khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện về thành lập doanh nghiệp

và điều kiện hoạt động trong lĩnh vực bán đấu giá tài sản (Điều 16 Nghị định 17/2010/NĐ-CP về bán đấu giá tài sản) thì không thể từ chối đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp đó. Hiện tại, Bộ Tư pháp chưa ban hành tiêu chí đối với việc phát triển doanh nghiệp bán đấu giá tài sản vì đây là quyền tự do thành lập doanh nghiệp. Việc định hướng phát triển doanh nghiệp bán đấu giá tài sản tại địa phương cần căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

3.23. Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện gặp khó khăn khi điều hành bán đấu giá vì thiếu thông tin về tổ chức bán đấu giá tài sản, đấu giá viên; thời gian tổ chức đấu giá phải phụ thuộc vào lịch làm việc của đấu giá viên nên chưa chủ động trong hoạt động của Hội đồng (STP Đà Nẵng).

Trả lời: Điều 19 Thông tư số 23/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định 17/2010/NĐ-CP thì Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm lập danh sách, công bố danh sách, cập nhật theo định kỳ hàng quý danh sách Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, doanh nghiệp bán đấu giá tài sản, chi nhánh của doanh nghiệp bán đấu giá tài sản, danh sách đấu giá viên trên địa bàn tỉnh, thành phố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của Sở Tư pháp để các tổ chức, cá nhân biết và liên hệ. Vì vậy, Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện có thể tham khảo thông tin nêu trên hoặc chủ động liên hệ với Sở Tư pháp để biết thông tin, liên hệ với các tổ chức bán đấu giá tài sản chuyên nghiệp trên địa bàn để ký hợp đồng thuê đấu giá viên điều hành.

3.24. Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế bán đấu giá quyền sử dụng đất thay thế Quyết định số 216/2006/QĐ-TTg, nghiên cứu việc sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng văn bản thay thế (STP Hà Giang).

Trả lời: Trong quá trình nghiên cứu, xây dựng Thông tư liên tịch hướng dẫn đấu giá quyền sử dụng đất, Bộ Tư pháp đang tiến hành rà soát các văn bản pháp luật về bán đấu giá tài sản và bán đấu giá quyền sử dụng đất. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu việc sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng văn bản thay thế Quyết định 216/2006/QĐ-TTg để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

3.25. Qua khảo sát, hiện thành phố Hà Nội có một số tổ chức trọng tài thương mại, tuy nhiên hoạt động của các tổ chức này hiện đang thiếu sự kiểm soát, đề nghị Bộ Tư pháp có chỉ đạo cụ thể vấn đề này (STP Hà Nội).

Trả lời: Nhằm triển khai thi hành Luật Trọng tài thương mại, thời gian qua, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan soạn thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Trọng tài thương mại, trong đó quy định cụ thể về nhiệm vụ quyền hạn của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp. Ngày 10/3/2011, Vụ Bổ trợ tư pháp đã có Công văn gửi các Sở Tư pháp yêu cầu rà soát, đánh giá về các tổ chức trọng tài và đội ngũ trọng tài viên trên địa bàn (Công văn số 1031/BTP-BTTP). Để thi hành hiệu quả Luật Trọng tài thương mại và Nghị định của Chính phủ, Bộ Tư pháp đề nghị Sở Tư pháp Hà Nội và các địa phương khác cần chủ động xây dựng kế hoạch triển khai Luật Trọng tài thương mại và Nghị định hướng dẫn Luật này, trong đó chú trọng công tác theo dõi, quản lý và tăng cường kiểm tra. Trong phạm vi thẩm quyền quản lý tại địa phương, Sở Tư pháp có thể tổ chức các cuộc họp, buổi làm việc với các tổ chức trọng tài trên địa bàn để đôn đốc việc triển khai các văn bản pháp luật mới về trọng tài thương mại, nhắc nhở việc thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định và chấn chỉnh những biểu hiện lệch lạc trong tổ chức, hoạt động trọng tài. Ngoài ra, Sở Tư pháp Hà Nội cũng cần chủ động hơn nữa và thường xuyên liên hệ với Vụ Bổ trợ tư pháp để có hướng dẫn kịp thời trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực trọng tài thương mại.

4. Về công tác phổ biến giáo dục pháp luật

4.1. Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị Quốc hội sớm ban hành Luật Phổ biến giáo dục pháp luật (STP Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Phú Thọ).

Trả lời: Là cơ quan được Chính phủ giao chủ trì soạn thảo dự thảo Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp đã triển khai thực hiện nhiều hoạt động phục vụ việc xây dựng Luật. Bộ Tư pháp đã hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Luật, trình Chính phủ cho ý kiến tại Phiên họp thường kỳ tháng 5; phối hợp với Văn phòng Chính phủ chỉnh lý dự thảo Luật theo ý kiến thành viên Chính phủ và trình Bộ trưởng, Trưởng Ban soạn thảo thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội dự án Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật vào ngày 28/6/2011.

4.2. Chính phủ cần chỉ đạo các bộ, ngành tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, đồng thời tăng kinh phí cho công tác này (STP Hưng Yên).

Trả lời: Trước hết, cần khẳng định công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong những năm qua luôn được Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các cấp, các ngành quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, coi đó là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong việc tăng cường quản lý xã hội bằng pháp luật. Nhiều chủ trương, biện pháp được ban hành nhằm đẩy mạnh công tác này, trong đó phải kể đến hoạt động chỉ đạo các bộ, ngành tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đồng thời tiếp tục tăng cường, hoàn thiện cơ chế, chính sách về tài chính, đáp ứng đầy đủ hơn cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Thực hiện chức năng giúp Chính phủ quản lý nhà nước về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp đã tham mưu giúp Chính phủ ban hành một số văn bản cụ thể nhằm chỉ đạo việc tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở các Bộ, ngành, địa phương, cụ thể là: Nghị quyết số 61/2007/NQ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá IX); Quyết định số 13/2003/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2003 đến năm 2007; Quyết định số 212/2004/QĐ-TTg ngày 16/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường, thị trấn từ năm 2005 đến năm 2010; Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg ngày 12/03/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2008 đến năm 2012; Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật... Trong đó, Chính phủ đã yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương xác định rõ khoản ngân sách hàng năm cho hoạt động này theo hướng tăng thêm để đáp ứng kịp thời, đầy đủ về kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; Bộ Tài chính rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm kịp thời, đầy đủ cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật...

Như vậy, việc chỉ đạo, hướng dẫn chung các bộ, ngành, địa phương tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, việc ban hành và tổ chức thực hiện các Chương trình, đề án phổ biến, giáo dục pháp luật nêu trên đã thể hiện sự

quan tâm đầu tư trực tiếp của Nhà nước cho công tác này (kinh phí thực hiện các chương trình, đề án phổ biến, giáo dục pháp luật đều được bảo đảm từ ngân sách nhà nước). Hiện nay, việc quản lý, sử dụng kinh phí dành cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cũng như kinh phí thực hiện các chương trình, đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14/05/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (thay thế Thông tư số 63/2005/TT-BTC ngày 05/8/2005 của Bộ Tài chính). Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP đã bổ sung nhiều nội dung chi, tăng mức chi lên 50% để phù hợp với tình hình thực tế tại các bộ, ngành, địa phương và theo đúng chỉ đạo của Chính phủ.

Trên cơ sở chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ và Bộ Tư pháp, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương, nhất là tổ chức pháp chế, cơ quan Tư pháp địa phương chủ động tham mưu giúp Lãnh đạo các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

4.3. Đề nghị Bộ Tư pháp và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành Quy chế mẫu về cơ chế phối hợp giữa cơ quan tư pháp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên Mặt trận trong công tác chỉ đạo hoạt động hòa giải ở cơ sở. Bên cạnh đó, đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu hoàn thiện hệ thống pháp luật về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở vì sau 10 năm Pháp lệnh được ban hành đến nay, một số nội dung không còn phù hợp (STP Hưng Yên).

Trả lời: Tháng 12 năm 2008, Bộ Tư pháp đã tiến hành tổng kết 10 năm thi hành Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở trên phạm vi toàn quốc nhằm đánh giá kết quả đạt được sau 10 năm thực hiện Pháp lệnh về hòa giải, những hạn chế, tồn tại, nguyên nhân của các tồn tại, bài học kinh nghiệm, qua đó đề xuất giải pháp thực hiện có hiệu quả công tác này trong thời gian tới. Trong số các giải pháp đã được hội nghị đề xuất, có giải pháp hoàn thiện pháp luật về hòa giải; tăng cường mối quan hệ giữa Ủy ban trung ương mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của mặt trận với Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp trong công tác hòa giải.

Triển khai thực hiện các giải pháp đã được hội nghị tổng kết đề ra, ngày 24 tháng 4 năm 2009, Bộ Tư pháp và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ký ban hành Chương trình phối hợp số 1285/CTPH-

BTP-BTTUBTUMTTQVN về tăng cường thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng nhằm tăng cường hơn nữa mối quan hệ trong công tác hòa giải cơ sở.

Thực hiện Kế hoạch công tác năm 2011, nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức của toàn xã hội về vị trí, vai trò của công tác hòa giải cơ sở, Bộ Tư pháp đã hoàn chỉnh và ban hành Chỉ thị số 03/CT-BTP về tăng cường công tác hòa giải ở cơ sở. Đồng thời, Bộ đã tiến hành nhiều hoạt động chuẩn bị cho việc xây dựng dự án Luật hòa giải cơ sở (như khảo sát, tổ chức tọa đàm, hội thảo...). Theo kế hoạch, dự án Luật hòa giải cơ sở sẽ được đưa vào chương trình chính thức của Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh Quốc hội khóa XIII với tiến độ và thời gian cụ thể như sau: trình Chính phủ cho ý kiến vào tháng 7 năm 2012 và trình Ủy ban thường vụ Quốc hội tháng 9 năm 2012.

4.4. Đề nghị Bộ Tư pháp có văn bản chấn chỉnh về công tác PBGDPL nhằm xác định công tác PBGDPL là một bộ phận quan trọng của công tác giáo dục chính trị tư tưởng, gắn với việc thực hiện các Nghị quyết của Đảng và nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương, đưa nội dung PBGDPL là một tiêu chí đánh giá thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp (STP Vĩnh Phúc).

Trả lời: Trên thực tế, cơ chế phối hợp trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật đã được thực hiện bằng hình thức Hội đồng từ năm 1998 (Bộ Tư pháp tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 03/1998/QĐ-TTg ngày 07/01/1998 về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 1998 đến năm 2002 và thành lập Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL). Trong những năm qua, Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đã được thành lập, kiện toàn từ Trung ương đến địa phương. Bên cạnh đó, để tăng cường hơn nữa hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho từng đối tượng, từng địa bàn, Bộ Tư pháp cũng đã ký kết và hướng dẫn thực hiện nhiều chương trình, kế hoạch phối hợp liên ngành. Trên cơ sở đánh giá thực tiễn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tư pháp đã quy định trong dự thảo Luật về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức thông qua thiết chế Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm tạo cơ sở pháp lý khắc phục những tồn tại, hạn chế của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thời gian qua, nâng cao hiệu quả công tác này.

Hiện nay, hàng năm, Bộ Tư pháp ban hành Bản tiêu chí xếp hạng Sở Tư pháp làm cơ sở đánh giá xếp hạng các Sở Tư pháp, trong đó có các tiêu chí thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Bản tiêu chí này là một trong những cơ sở để đánh giá việc thi đua, khen thưởng trong Ngành Tư pháp.

4.5. Đề nghị Hội đồng PBGDPL của Chính phủ tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra nhằm nâng cao năng lực tham mưu của Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL cho UBND các cấp (STP Vĩnh Phúc).

Trả lời: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, trong những qua, Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ đã duy trì thường xuyên, nề nếp công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra ở các Bộ, ngành, địa phương. Tại các phiên họp thường kỳ 6 tháng và năm, Hội đồng của Chính phủ đã đề ra kế hoạch, định hướng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật 6 tháng và năm. Ngay từ đầu năm, Cơ quan thường trực Hội đồng của Chính phủ đã ban hành kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên toàn quốc. Trên cơ sở kế hoạch, hướng dẫn của Hội đồng phối hợp của Chính phủ, Hội đồng phối hợp các Bộ, ngành, đoàn thể trung ương và Hội đồng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ động, kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện. Bên cạnh đó, Hội đồng của Chính phủ và Cơ quan thường trực của Hội đồng (Bộ Tư pháp) còn ban hành văn bản hướng dẫn về công tác thi đua - khen thưởng của Hội đồng các cấp, ban hành kế hoạch và hướng dẫn áp dụng, nhân rộng các mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật có hiệu quả, những cách làm mới, phổ biến các văn bản pháp luật quan trọng, văn bản mới được ban hành, tổ chức các đợt tuyên truyền, phổ biến pháp luật phục vụ các nhiệm vụ chính trị của đất nước, Bộ, ngành và địa phương như: Triển khai mô hình “Ngày Pháp luật” trên phạm vi toàn quốc, hướng dẫn tổ chức đợt cao điểm tuyên truyền, phổ biến pháp luật phục vụ cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016...

Hàng năm, Hội đồng của Chính phủ ban hành Kế hoạch kiểm tra, trong đó có hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương tiến hành tự kiểm tra và thành lập các đoàn trực tiếp đi kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại một số bộ, ngành, địa phương. Trung bình mỗi năm Hội đồng của Chính phủ tổ chức 03 đoàn kiểm tra, từ năm 2005 đến nay, đã tổ chức 18 đoàn kiểm tra. Bên cạnh đó, Hội đồng của một số Bộ, ngành, đoàn thể còn chủ động tổ chức nhiều đoàn kiểm tra theo ngành dọc. Hoạt động kiểm tra của Hội đồng Chính phủ được duy trì nề nếp và hiệu quả, qua kiểm tra đã kịp thời hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương,

khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo, hướng dẫn sát hợp với tình hình ở địa phương, đơn vị, cơ sở. Thông qua hoạt động kiểm tra đã phát hiện, hướng dẫn nhân rộng các mô hình, cách làm hay trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Trong thời gian tới, Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ tiếp tục quan tâm đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, trong đó chú trọng hướng dẫn, nhân rộng mô hình, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật, những cách làm mới, có hiệu quả. Bên cạnh việc kiểm tra định kỳ, Hội đồng của Chính phủ sẽ thực hiện việc kiểm tra đột xuất công tác công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Hội đồng của Chính phủ tăng cường hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng và thực hiện khen thưởng định kỳ, theo đợt để động viên, khuyến khích những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, tạo động lực thu hút các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia tích cực hơn vào công tác này.

4.6. Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu với Chính phủ quy định chế độ bồi dưỡng nghiệp vụ và thù lao phù hợp đối với Báo cáo viên pháp luật, chế độ khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác PBGDPL (STP Vĩnh Phúc).

Trả lời:

- Về chế độ bồi dưỡng nghiệp vụ, hiện nay, chế độ bồi dưỡng nghiệp vụ cho các Báo cáo viên pháp luật đã được Đảng và Nhà nước rất quan tâm. Quy định về bồi dưỡng Báo cáo viên pháp luật đã được đề cập trong Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân và các Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ giai đoạn 2003-2007 và 2008-2012; Thông tư số 18/2010/TT-BTP ngày 05/11/2010 của Bộ Tư pháp quy định về Báo cáo viên pháp luật. Đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 270/QĐ-TTg ngày 27/02/2009 phê duyệt Đề án “củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển của đất nước”. Đề án đã có những quy định cụ thể về bồi dưỡng nghiệp vụ cho báo cáo viên pháp luật các cấp nhằm tạo bước phát triển mới trong việc xây dựng nguồn nhân lực ổn định, có chất lượng và

trình độ cao để thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân hiệu quả, đồng bộ.

Thực hiện Chương trình, Đề án trên, hàng năm, Bộ Tư pháp đều tổ chức từ 8-10 lớp tập huấn nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức pháp luật cho Báo cáo viên cấp trung ương và cấp tỉnh. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp hỗ trợ kinh phí và hướng dẫn các tỉnh, thành phố thực hiện chỉ đạo điểm tổ chức gần 100 lớp tập huấn nghiệp vụ cho Báo cáo viên pháp luật cấp huyện và hòa giải viên, tuyên truyền viên cơ sở.

Năm 2011, Bộ Tư pháp sẽ tổ chức triển khai thực hiện 18 lớp thuộc Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật ban hành kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-BTP ngày 23/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Kế hoạch số 556/KH-ĐA ngày 18/02/2011 của Ban chỉ đạo Đề án: “*củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu, đổi mới và phát triển của Đất nước*” cho Báo cáo viên và đội ngũ cán bộ thực hiện công tác PBGDPL.

- Về chế độ thù lao cho Báo cáo viên pháp luật hiện nay đang được áp dụng thực hiện theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

4.7. Đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức tập huấn hàng năm cho đội ngũ Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cán bộ làm công tác PBGDPL, Tổ trưởng Tổ hòa giải, Biên tập viên Bản tin, Phòng viên Đài truyền hình, Báo tỉnh... (STP Vĩnh Phúc).

Trả lời: Hàng năm, Bộ Tư pháp đã tổ chức bồi dưỡng và hướng dẫn các Sở Tư pháp tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng trên. Thực hiện các chương trình, đề án phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp còn trực tiếp hỗ trợ kinh phí cho các tỉnh, thành phố chỉ đạo điểm để tổ chức tập huấn cho nguồn nhân lực thực hiện công tác PBGDPL của địa phương mình. Bên cạnh đó, Bộ cũng biên soạn nhiều tài liệu pháp luật, tài liệu nghiệp vụ phổ biến, giáo dục cho các đối tượng trên để hỗ trợ địa phương phục vụ bồi dưỡng, tập huấn.

4.8. Sớm ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ (STP Tuyên Quang).

Trả lời: Tại Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định cụ thể các nội dung liên quan đến việc xây dựng, quản lý và khai thác từ sách pháp luật. Ngày 08/7/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1053/QĐ-TTg về việc hỗ trợ kinh phí thực hiện xây dựng, quản lý từ sách pháp luật năm 2010, theo đó cấp 18.106 triệu đồng hỗ trợ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện xây dựng, quản lý từ sách pháp luật cấp xã theo quy định tại Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg. Sau khi Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg được ban hành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đã chủ động ban hành nhiều văn bản chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quyết định trên ở địa phương.

Trong năm 2011, Bộ Tư pháp sẽ tổ chức đánh giá hiệu quả 01 năm thực hiện Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg. Trên cơ sở đó, Bộ sẽ có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cho phù hợp với thực tế.

4.9. Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo việc tổ chức thực hiện đề án, chương trình quốc gia về phổ biến giáo dục pháp luật cần tập chung về một đầu mối, tránh chồng chéo (STP Long An).

Trả lời: Hiện nay, tại các chương trình, đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật cũng như các văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ Tư pháp đều xác định rõ cách thức tổ chức thực hiện chương trình, đề án một cách tập trung, thống nhất. Theo đó, Bộ Tư pháp là cơ quan quản lý Chương trình quốc gia phổ biến, giáo dục pháp luật, tổ chức điều hành và kiểm tra các hoạt động của Chương trình trên phạm vi cả nước, phối hợp chỉ đạo việc thực hiện các Đề án trong Chương trình trên cùng một địa bàn cụ thể. Các cơ quan chủ trì Đề án thuộc Chương trình được phân công bảo đảm sự phù hợp giữa chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan đó với nội dung Đề án, trực tiếp chỉ đạo, triển khai hiệu quả các Đề án trong Chương trình trên cơ sở điều phối và hướng dẫn chung của Bộ Tư pháp.

4.10. Về việc triển khai thực hiện Thông tư số 18/2010/TT-BTP ngày 05/11/2010 của Bộ Tư pháp quy định về Báo cáo viên pháp luật. Đề nghị Bộ Tư pháp cho biết: Mẫu Thẻ Báo cáo viên pháp luật bao giờ được phát hành? Nếu chậm phát hành, ảnh hưởng đến tiến độ cấp Thẻ và gửi Danh sách Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện đã được công nhận và cấp thẻ theo đề nghị của Bộ Tư pháp tại Công văn số 440/BTP-PBGDPL có thay đổi hay không? (STP KonTum).

Trả lời: Ngay sau khi Thông tư số 18/2010/TT-BTP ngày 05/11/2010 của Bộ Tư pháp ban hành, Bộ Tư pháp đã tổ chức thiết kế và in mẫu thẻ báo cáo viên pháp luật thống nhất trên toàn quốc. Ngày 21/4/2011, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2151/BTP-PBGDPL hướng dẫn về việc in và cấp thẻ Báo cáo viên pháp luật, đồng thời gửi kèm mẫu thẻ báo cáo viên để các địa phương tổ chức thực hiện.

4.11. Cần có chính sách trợ giá đối với các loại sách pháp luật nhằm tạo điều kiện để người dân tiếp cận với các văn bản pháp luật được dễ dàng hơn. Bên cạnh đó, việc xây dựng tủ sách pháp luật không chỉ quan tâm xây dựng đặt tại văn phòng Ủy ban nhân dân cấp xã mà cần phải nghiên cứu xây dựng mô hình tủ sách, ngân sách pháp luật cho từng vùng, khu vực dựa trên điều kiện kinh tế - xã hội và nhiệm vụ chính trị của địa phương (STP Hưng Yên).

Trả lời:

Thứ nhất, về kiến nghị chính sách trợ giá đối với sách pháp luật:

Thời gian qua, Bộ Tư pháp cũng như các bộ, ngành, địa phương đã biên soạn nhiều loại tài liệu phổ biến pháp luật dưới các hình thức như: Đề cương tuyên truyền pháp luật, sách hỏi đáp, tờ gấp pháp luật, băng, đĩa hình pháp luật... và phát hành miễn phí cho địa phương, cơ sở làm tài liệu tuyên truyền, nhân bản phục vụ nhu cầu tìm hiểu pháp luật của cán bộ, nhân dân.

Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước ta đang có một số chính sách tạo điều kiện cho địa phương, cơ sở về sách, tài liệu pháp luật, cụ thể là:

- Thực hiện chủ trương trang bị sách cho cơ sở xã, phường, thị trấn theo tinh thần kết luận của Ban Bí thư tại Thông báo số 220-TB/TW ngày 10/12/2009 về Đề án trang bị sách cho cơ sở xã, phường, thị trấn và sách dành cho cán bộ lãnh đạo (trong đó có bộ phận sách pháp luật), Ban Tuyên giáo Trung ương đã phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia thành lập Hội đồng chỉ đạo Đề án trang bị sách cho cơ sở xã, phường, thị trấn, tuyển chọn, biên tập và xuất bản các ấn phẩm để trang bị cho xã, phường, thị trấn, trong năm 2009 đã thực hiện thí điểm ở 16 địa phương đại diện cho các vùng, miền của cả nước. Từ năm 2010, Đề án nói trên đã được mở rộng phạm vi thực hiện trên phạm vi 63 tỉnh, thành trên cả nước.

- Theo quy định tại Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật, mức chi hàng năm để duy trì và bổ sung sách, báo mới cho mỗi Tủ sách pháp

luật cấp xã tối thiểu là 02 triệu đồng/năm. Đối với các đơn vị cấp xã thuộc các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo có thể quy định mức cao hơn nhằm đảm bảo có đủ sổ sách, tài liệu luân chuyển giữa các bản, làng. Các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách và các đơn vị cấp xã thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 thì kinh phí để xây dựng, quản lý Tủ sách pháp luật do ngân sách Trung ương cấp.

Ngày 08/7/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1053/QĐ-TTg về việc hỗ trợ kinh phí thực hiện xây dựng, quản lý Tủ sách pháp luật năm 2010, theo đó bổ sung có mục tiêu 18.106 triệu đồng từ nguồn chi quản lý hành chính thuộc ngân sách Trung ương năm 2010 để hỗ trợ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện xây dựng, quản lý tủ sách pháp luật cấp xã theo quy định tại Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật.

Thứ hai, về kiến nghị xây dựng mô hình tủ sách cho từng vùng, khu vực:

Điều 3 Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg đã quy định việc xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật cần theo hình thức, biện pháp phù hợp với đặc thù từng vùng, miền, từng cơ quan, đơn vị và phải bảo đảm tiết kiệm, khai thác sử dụng có hiệu quả. Địa điểm đặt Tủ sách pháp luật cấp xã cũng được quy định mang tính định hướng tại Điều 5 của Quyết định để đơn vị trực tiếp quản lý tủ sách chủ động lựa chọn: phòng tiếp dân, phòng thủ tục hành chính “một cửa” của UBND cấp xã hoặc nơi khác, nhưng phải thuận tiện cho việc quản lý, khai thác.

Vì vậy, trên cơ sở các quy định của Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg, các địa phương cần chủ động hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp xây dựng, quản lý tủ sách pháp luật triển khai thực hiện bằng hình thức, biện pháp phù hợp với đặc thù của khu vực, địa bàn cụ thể để đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng tủ sách pháp luật của cán bộ, nhân dân ở cơ sở ngày càng cao; tích cực thực hiện luân chuyển sách, rà soát, chọn lọc, bổ sung, cập nhật sách, tài liệu theo định kỳ, có quy củ. Các hình thức khai thác cần đa dạng hơn, sáng tạo hơn, chú trọng kết hợp mô hình tủ sách truyền thống với các mô hình tủ sách đặc thù, áp dụng phương tiện công nghệ hiện đại như internet, sách điện tử...

5. Về công tác trợ giúp pháp lý (TGPL)

5.1. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung tăng mức chi cho hoạt động trợ giúp pháp lý và trợ giúp pháp lý lưu động (STP Cao Bằng).

Trả lời: Hoạt động TGPL và TGPL lưu động là hoạt động nghiệp vụ của Trung tâm TGPL, được quy định tại Thông tư liên tịch số 81/2008/TTLT-BTC-BTP và được dự toán, sử dụng ngân sách nhà nước theo Luật Ngân sách nhà nước. Sở Tư pháp cần chỉ đạo Trung tâm TGPL lập dự toán ngân sách hàng năm bảo đảm hoạt động TGPL của Trung tâm.

Đối với kinh phí chi bồi dưỡng cho Công tác viên thực hiện TGPL được quy định tại Thông tư liên tịch số 81/2008/TTLT-BTC-BTP, đến nay tương đối thấp. Bộ Tư pháp đang phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu, sửa đổi bổ sung theo hướng tăng mức chi cho phù hợp.

Về chi cho hoạt động TGPL lưu động: hiện nay chế độ công tác phí đã được quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06/7/2010, đề nghị Trung tâm căn cứ vào quy định này để lập dự toán và sử dụng đề chi theo quy định.

5.2. Đề nghị sớm cấp kinh phí thực hiện Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ hoạt động trợ giúp pháp lý cho các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/CP (STP Cao Bằng).

Trả lời: Năm 2011 là năm đầu tiên triển khai Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, việc lập dự toán phải được Bộ Tài chính thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nên bị chậm. Đến nay Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 về việc bổ sung kinh phí năm 2011 cho Bộ Tư pháp. Ngày 17/5/2011, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 68/QĐ-BTP về việc giao cho Cục TGPL chủ trì thực hiện. Hiện nay, Cục TGPL đang phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Thông tư liên tịch hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí này, đồng thời chỉ đạo Quỹ TGPL khẩn trương xây dựng dự toán để trình Lãnh đạo Bộ Tư pháp phê duyệt. Sau khi có Thông tư liên tịch hướng dẫn và dự toán được duyệt, Cục TGPL sẽ thông báo và chuyển kinh phí hỗ trợ cho các Sở Tư pháp và Trung tâm thực hiện theo Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

5.3. Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC, ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối

cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, Trung tâm chưa nhận được sự phối hợp một cách tích cực từ các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải thích cho người đang bị tạm giữ, tạm giam, bị can, bị cáo và các đương sự khác biết về quyền được TGPL, hướng dẫn họ tiếp cận với thông tin TGPL (STP Tây Ninh).

Trả lời: Hàng năm, Bộ Tư pháp với tư cách là cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương tổ chức họp Hội đồng phối hợp để đánh giá kết quả thực hiện Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT-BTP-BCA-BQP-VKSNDTC-TANDTC và đề ra các giải pháp, thống nhất chỉ đạo từng ngành trong công tác phối hợp TGPL trong hoạt động tố tụng.

Về phía địa phương, Hội đồng phối hợp liên ngành TGPL ở địa phương trong hoạt động tố tụng cần chủ động tổ chức quán triệt, thống nhất nhận thức, tổ chức sơ kết đánh giá việc thực hiện trách nhiệm từng ngành thành viên, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc bảo đảm thực hiện đầy đủ trách nhiệm của từng ngành. Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với các ngành thành viên tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT-BTP-BCA-BQP-VKSNDTC-TANDTC trong phạm vi địa phương.

5.4. Thông tư liên tịch số 81/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 25 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp về hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan trợ giúp pháp lý nhà nước hướng dẫn mục chi thù lao tham gia tố tụng cho Luật sư rất thấp như vậy sẽ khó thu hút đội ngũ cộng tác viên tham gia trợ giúp pháp lý (STP Tây Ninh).

Trả lời: Bộ Tư pháp đang phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu xây dựng Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 81/2008/TTLT-BTC-BTP, theo đó sẽ quy định mức bồi dưỡng cho Cộng tác viên TGPL cao hơn cho phù hợp. Dự thảo hiện nay đang được lấy ý kiến các cơ quan có liên quan và dự kiến ban hành trong Quý III năm 2011.

5.5. Các Câu lạc bộ TGPL tại Tây Ninh hoạt động theo hai nguồn kinh phí: từ Chương trình 135 giai đoạn II (2.000.000 đ/năm) và nhận hỗ trợ từ nguồn kinh phí của quỹ TGPL Việt Nam (200.000đ/tháng). Nhưng mức hỗ trợ như trên là quá thấp so với điều kiện kinh tế, xã hội hiện nay (STP Tây Ninh).

Trả lời:

- Năm 2011 Quỹ TGPL Việt Nam dự kiến nâng mức hỗ trợ sinh hoạt Câu

lạc bộ TGPL cao hơn 200.000 đồng/Câu lạc bộ/tháng và sẽ thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ của Quỹ TGPL từ nguồn Ngân sách Nhà nước cấp, do đó, theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ TGPL Việt Nam, Quỹ chỉ có thể tạm ứng 30% kinh phí để Trung tâm hoạt động. Vì vậy, đề nghị các Trung tâm sau khi thực hiện xong các hoạt động được hỗ trợ gửi toàn bộ hồ sơ, chứng từ về Quỹ để tiến hành nghiệm thu, thanh lý và quyết toán.

5.6. Hàng năm, Cục TGPL đều có mở các lớp tập huấn nghiệp vụ TGPL cho Trợ giúp viên pháp lý, nhưng chủ yếu về kỹ năng, phần tập huấn các văn bản pháp luật mới chưa nhiều.

Kiến nghị với cơ quan Trung ương tập huấn cho Trợ giúp viên pháp lý những văn bản pháp luật mới ban hành liên quan thiết thực đến người dân (STP Tây Ninh).

Trả lời: Thực hiện Đề án “Bồi dưỡng nghiệp vụ TGPL giai đoạn 2008 - 2010, định hướng đến năm 2015” ban hành kèm theo Quyết định số 10/2008/QĐ-BTP ngày 10/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Quy chế bồi dưỡng nghiệp vụ TGPL ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, hàng năm, Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức các khóa bồi dưỡng nguồn bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý, tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ TGPL cho người thực hiện TGPL trong toàn quốc.

Năm 2011, Bộ Tư pháp dự kiến tổ chức 02 khóa bồi dưỡng nguồn bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý (khóa VII, VIII năm 2011), tổ chức tập huấn nghiệp vụ TGPL toàn quốc và tập huấn chuyên sâu về kỹ năng TGPL cho các đối tượng đặc thù về các văn bản pháp luật có liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ người dân (theo khu vực).

Tuy nhiên, do kinh phí tập huấn mà ngân sách Nhà nước cấp còn hạn chế, Bộ Tư pháp chỉ tập huấn cho một số Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm TGPL và Chi nhánh của Trung tâm mà chưa có điều kiện tổ chức tập huấn cập nhật kiến thức pháp luật trong tất cả các lĩnh vực cho tất cả đội ngũ người thực hiện TGPL. Bộ Tư pháp đã in ấn, phát hành tài liệu tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng TGPL. Vì vậy, Sở Tư pháp tỉnh cần chỉ đạo Trung tâm TGPL chủ động tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ cho người thực hiện TGPL ở địa phương (Trợ giúp viên pháp lý, chuyên viên, cộng

tác viên) và bản thân các Trợ giúp viên chủ động cập nhật kiến thức pháp luật để thực hiện TGPL có chất lượng.

5.7. Khi Trung tâm Trợ giúp pháp lý tiếp nhận vụ việc trợ giúp pháp lý từ đối tượng yêu cầu, những vụ án dân sự thời gian kéo dài có khi lên tới trên 2 năm, khi người dân đến yêu cầu thì thuộc đối tượng TGPL nhưng khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Trung tâm có yêu cầu xác nhận lại đối tượng hay không? (đã số thuộc hộ nghèo) hoặc khi có cơ sở người có yêu cầu trợ giúp pháp lý không thuộc đối tượng TGPL thì có tiếp tục trợ giúp pháp lý hay không? Kiến nghị Bộ Tư pháp sớm có văn bản hướng dẫn (STP Tây Ninh).

Trả lời:

- Theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý và các văn bản hướng dẫn thi hành thì Trung tâm thực hiện TGPL cho người được TGPL đối với vụ việc tham gia tố tụng từ khi thụ lý đến khi Tòa án xét xử xong. Vì vậy, trong trường hợp khi thụ lý vụ việc người yêu cầu thuộc diện nghèo được TGPL, sau 2 năm vụ việc mới được Tòa án đưa ra xét xử (người yêu cầu đã thoát nghèo) thì Trung tâm TGPL vẫn tiếp tục thực hiện TGPL theo quy định. Trung tâm không cần yêu cầu người được TGPL xác nhận lại.

- Đối với trường hợp đã thụ lý vụ việc TGPL, nhưng trong quá trình thực hiện phát hiện người được TGPL không thuộc diện được TGPL thì Trung tâm có quyền từ chối không tiếp tục thực hiện TGPL và trả lời bằng văn bản cho người yêu cầu TGPL, trong đó nêu rõ lý do không tiếp tục thực hiện.

5.8. Tại Điều 26 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý đã quy định:

“Trợ giúp viên pháp lý được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo nghề bằng 25% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp vượt khung (nếu có) khi tham gia tố tụng, thực hiện đại diện ngoài tố tụng, hòa giải trong trợ giúp pháp lý, Trợ giúp viên pháp lý được hưởng phụ cấp vụ việc bằng 10% mức bồi dưỡng áp dụng đối với cộng tác viên...”

Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, quy định cụ thể về phụ cấp đối với Trợ giúp viên pháp lý, phụ cấp chức vụ lãnh đạo của Trung tâm” (STP Lạng Sơn).

Trả lời:

- Về phụ cấp trách nhiệm theo nghề:

Điều 26 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TGPL đã quy định rất cụ thể về phụ cấp trách nhiệm theo nghề và phụ cấp vụ việc của Trợ giúp viên pháp lý:

“Trợ giúp viên pháp lý được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo nghề bằng 25% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp vượt khung (nếu có) khi tham gia tổ tụng, thực hiện đại diện ngoài tổ tụng, hòa giải trong TGPL, Trợ giúp viên pháp lý được hưởng phụ cấp vụ việc bằng 10% mức bồi dưỡng áp dụng đối với cộng tác viên...”

Thực hiện quy định này, hầu hết các địa phương đã cho Trợ giúp viên pháp lý được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề và phụ cấp vụ việc ngay sau khi được bổ nhiệm và cấp thẻ Trợ giúp viên pháp lý. Tuy nhiên, đến nay tỉnh Lạng Sơn chưa thực hiện quy định này. Để thực hiện Điều 26 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP và bảo đảm chế độ chính sách cho Trợ giúp viên pháp lý, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2295/BTP-TGPL ngày 16/7/2009 gửi Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố về việc thực hiện chế độ phụ cấp theo nghề đối với Trợ giúp viên pháp lý...). Theo đó, Bộ Tư pháp đã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và Sở Tài chính áp dụng các chế độ chính sách đã được quy định rõ tại Nghị định số 07/2007/NĐ-CP đối với Trợ giúp viên pháp lý kể từ thời điểm được bổ nhiệm và cấp thẻ Trợ giúp viên pháp lý

Để bảo đảm chế độ, chính sách và khích lệ sự an tâm công tác đối với Trợ giúp viên pháp lý và thực hiện thống nhất các quy định pháp luật về TGPL trong phạm vi cả nước, đề nghị Sở Tư pháp phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho Trợ giúp viên pháp lý được hưởng chế độ phụ cấp theo nghề và phụ cấp vụ việc theo quy định.

- Về phụ cấp chức vụ lãnh đạo của Trung tâm TGPL

Phụ cấp chức vụ lãnh đạo của Trung tâm TGPL phụ thuộc vào Hạng của Trung tâm TGPL được quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTP-BNV ngày 11/2/2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ. Để xác định chính xác mức phụ cấp của lãnh đạo Trung tâm là bao nhiêu, Trung tâm căn cứ vào Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTP-BNV để làm thủ tục xếp hạng Trung tâm TGPL theo quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTP-BNV. Sở Tư pháp phối hợp với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân quyết định xếp hạng Trung tâm TGPL. Trung tâm TGPL thuộc hạng nào thì lãnh đạo Trung tâm được hưởng phụ cấp chức

vụ tương ứng theo quy định tại Điều 7, Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTP-BNV.

5.9. Đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến đề xuất với Chính phủ ban hành văn bản chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh tiến độ triển khai Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo giai đoạn 2011 -2020; đồng thời có ý kiến đề nghị Bộ Tài chính sớm cấp kinh phí để triển khai thực hiện Quyết định số 52 trên (STP Hà Giang).

Trả lời: Để triển khai thực hiện Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg ngày 18/08/2010 của Thủ tướng Chính phủ, ngày 01/10/2010, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 2497/QĐ-BTP về Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg trong đó đã phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh và Trung tâm TGPL nhà nước các tỉnh có huyện nghèo trong việc triển khai thực hiện các hoạt động của Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg.

Trên cơ sở Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung kinh phí năm 2011 cho Bộ Tư pháp và Quyết định số 68/QĐ-BTP ngày 17/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước năm 2011, hiện nay, Bộ Tư pháp đang phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Thông tư liên tịch hướng dẫn việc dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí này và chỉ đạo Quỹ Trợ giúp pháp lý xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và có Thông tư liên tịch hướng dẫn cho các địa phương thực hiện trong thời gian tới sau khi được lãnh đạo Bộ Tư pháp phê duyệt.

5.10. Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 28/12/2007 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng cho phù hợp vì thực tế theo quy định của Thông tư liên tịch số 10 chỉ quy định về lĩnh vực hình sự còn các vụ việc liên quan đến lĩnh vực dân sự chưa được đề cập đến trong Thông tư (STP Hà Giang).

Trả lời: Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-

KSNDTC-TANDTC của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về TGPL trong hoạt động tố tụng đã quy định đầy đủ sự phối hợp giữa cơ quan TGPL và các cơ quan tiến hành tố tụng trong tất cả các lĩnh vực: tố tụng hình sự, tố tụng dân sự và tố tụng hành chính.

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có trách nhiệm như sau:

Giải thích cho người người bị tạm giữ, tạm giam, bị can, bị cáo và các đương sự biết về quyền được trợ giúp pháp lý và hướng dẫn họ tiếp cận các thông tin về TGPL. Nếu đương sự thuộc các trường hợp được TGPL thì cơ quan tiến hành tố tụng hướng dẫn họ, hoặc người thân thích, người đại diện hợp pháp của họ về các thủ tục yêu cầu TGPL và cung cấp cho họ mẫu đơn đề nghị TGPL và địa chỉ liên lạc của Trung tâm, Chi nhánh.

Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng cho Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý.

Tại điểm 3 mục III Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-KSNDTC-TANDTC quy định: trong nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án có trách nhiệm cấp các quyết định tố tụng cho Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư cộng tác viên đã tham gia tố tụng trong vụ án đó. Các quy định trên đây áp dụng cho tất cả các lĩnh vực tố tụng chứ không chỉ áp dụng cho tố tụng hình sự.

Trong lĩnh vực tố tụng dân sự và tố tụng hành chính thì Tòa án là cơ quan thụ lý vụ án có trách nhiệm giải thích quyền được TGPL cho người được TGPL và cấp các quyết định tố tụng theo quy định cho người đại diện hoặc người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, gồm có: giấy chứng nhận tham gia tố tụng; biên bản hoà giải thành, quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự, quyết định giải quyết việc dân sự; quyết định thoả thuận về việc giải quyết vụ án hành chính; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định tạm đình chỉ hoặc quyết định đình chỉ vụ án, bản sao bản án, thông báo về việc kháng nghị (nếu có), quyết định kháng nghị (nếu có), quyết định phúc thẩm của Tòa án, giấy tham gia tố tụng, giới thiệu người đến với tổ chức...

5.11. Đề nghị nghiên cứu, xây dựng thống nhất Chương trình mục tiêu quốc gia, tạo điều kiện cho việc triển khai thực hiện. Đồng thời sớm phân bổ kinh phí triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo để các địa phương chủ động xây dựng và triển khai Kế hoạch hiệu quả (STP Đắk Lắk).

Trả lời: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010 đã kết thúc. Ngày 19/5/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 08/NQ-CP về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 - 2020. Trong đó, giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng trình Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn tiếp theo. Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp đang nghiên cứu, xây dựng chính sách TGPL trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, bảo đảm thực hiện có hiệu quả chính sách TGPL miễn phí cho người nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo được TGPL theo quy định của pháp luật, chủ động tiếp cận các chính sách trợ giúp pháp lý của nhà nước vươn lên thoát nghèo.

5.12. Đề nghị Cục trợ giúp pháp lý tăng cường công tác tập huấn nghiệp vụ cho Trợ giúp viên, Chuyên viên, Cộng tác viên. Tổ chức giao lưu học hỏi giữa các đơn vị có thành tích, sáng kiến hay trong hoạt động trợ giúp pháp lý (STP Hà Nam, Đắk Lắk).

Trả lời: Thực hiện Đề án “Bồi dưỡng nghiệp vụ TGPL giai đoạn 2008 - 2010, định hướng đến năm 2015” ban hành kèm theo Quyết định số 10/2008/QĐ-BTP ngày 10/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Quy chế bồi dưỡng nghiệp vụ TGPL ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, hàng năm, Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức các khóa bồi dưỡng nguồn bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý, tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ TGPL cho người thực hiện TGPL trong toàn quốc.

Năm 2011, Cục TGPL dự kiến tổ chức 02 khóa bồi dưỡng nguồn bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý (khóa VII, VIII năm 2011), tổ chức tập huấn nghiệp vụ TGPL toàn quốc và tập huấn chuyên sâu về kỹ năng TGPL cho các đối tượng đặc thù về các văn bản pháp luật có liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ người dân (theo khu vực).

Tuy nhiên, do nguồn lực hạn chế, Cục TGPL chỉ tập huấn cho một số Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm TGPL và Chi nhánh của Trung tâm mà chưa có điều kiện tổ chức tập huấn cho tất cả đội ngũ người thực hiện TGPL. Cục TGPL

đã in ấn, phát hành tài liệu tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng TGPL. Vì vậy, Sở Tư pháp tỉnh cần chỉ đạo Trung tâm TGPL chủ động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ cho người thực hiện TGPL ở địa phương (Trợ giúp viên pháp lý, chuyên viên, cộng tác viên).

6. Công tác tổ chức cán bộ

6.1. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu có cơ chế, chính sách đãi ngộ thỏa đáng, thu hút nguồn nhân lực vào công tác tại ngành tư pháp để họ thực sự yên tâm, yêu nghề và tích cực cống hiến (STP Cao Bằng).

Trả lời: Trong những năm qua, Bộ Tư pháp và các cơ quan tư pháp địa phương đã thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về thu hút, tuyển chọn cán bộ; đồng thời, có nhiều cố gắng trong việc ban hành và tổ chức thực hiện một số chính sách nhằm thu hút, tuyển chọn, đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức vào làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ Tư pháp và các địa phương. Trong giai đoạn 2006 - 2010, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu, xây dựng Đề án đổi mới cơ chế thu hút, tuyển chọn và đổi mới chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc ngành Tư pháp. Theo đó, Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định về phụ cấp trách nhiệm theo nghề đối với chấp hành viên, thẩm tra viên thi hành án dân sự, trợ giúp viên pháp lý, giám định viên tư pháp và công chứng viên, văn bản quy định chế độ định mức chi đặc thù cho hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của ngành Tư pháp như xây dựng, thi hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật... Năm 2011, Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp sẽ xem xét, phê duyệt Đề án làm căn cứ triển khai thực hiện trong Ngành.

Mặt khác, theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, đội ngũ cán bộ tư pháp là một bộ phận của đội ngũ cán bộ chính quyền địa phương, việc quản lý về tổ chức, cán bộ và chế độ, chính sách do địa phương quyết định. Vì vậy, Sở Tư pháp cần chủ động phối hợp với Sở Nội vụ báo cáo cấp ủy và chính quyền địa phương có chính sách phù hợp để thu hút nguồn nhân lực về công tác tại cơ quan tư pháp địa phương, đặc biệt là việc triển khai quy định mới của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức về chế độ thu hút đối với công chức, viên chức như xem xét tiếp nhận không qua thi tuyển trong các trường hợp đặc biệt (người tốt nghiệp loại giỏi, người có kinh nghiệm công tác trong ngành, lĩnh vực cần tuyển dụng từ 5 năm trở lên), xác định vị trí việc làm, thi nâng ngạch theo cơ chế cạnh tranh...

6.2. Đề nghị Bộ Tư pháp thống nhất với Bộ Nội vụ sửa đổi bổ sung Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV để tăng biên chế cho Sở Tư pháp khi tăng nhiệm vụ. Đồng thời, đề nghị thống nhất luôn việc quy định số lượng biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp cho STP và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc STP để tạo thuận lợi cho STP hàng năm xin đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung biên chế (STP Cao Bằng, Hà Nội, Hòa Bình, Khánh Hòa, Quảng Bình, Ninh Bình).

Trả lời: Thời gian qua các cơ quan tư pháp địa phương đã được giao thêm nhiều chức năng, nhiệm vụ mới, nhiều nhiệm vụ được tăng cường, mở rộng như: theo dõi thi hành pháp luật, quản lý nhà nước về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.... Do vậy, việc nghiên cứu sửa đổi Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, việc sửa đổi phải thực hiện theo hướng dẫn và kế hoạch chung của Bộ Nội vụ. Trong quá trình kiện toàn cơ cấu của Chính phủ khóa XIII, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với Bộ Nội vụ nghiên cứu, sửa đổi Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV.

Đồng thời, theo quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/03/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định giao biên chế công chức trong cơ quan Ủy ban nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Do vậy, Sở Tư pháp cần chủ động phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch biên chế, trong đó đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, khối lượng công việc quá tải và nhu cầu về biên chế trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

6.3. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nội vụ để tăng biên chế cho tư pháp cấp xã (STP Phú Yên, Long An).

Trả lời: Việc kiện toàn, tăng cường cán bộ Tư pháp - Hộ tịch cấp xã luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Bộ, ngành Tư pháp. Năm 2010, trong quá trình thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, Bộ Tư pháp đã có đề xuất gửi Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc bố trí tăng thêm cán bộ Tư pháp - Hộ tịch cấp xã. Trên cơ sở đề nghị của Bộ Tư pháp, ngày 27/5/2010, liên Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH hướng dẫn thực

hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, trong đó quy định chức danh Tư pháp - Hộ tịch cấp xã là chức danh đầu tiên được ưu tiên, bổ trí tăng thêm.

Ngày 19/7/2010, Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp cũng đã ban hành Công văn số 74-CV/BCSD đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm kiện toàn, củng cố Tư pháp xã, phường, thị trấn. Các văn bản trên được ban hành đã tạo cơ sở pháp lý cho việc kiện toàn, bổ sung cán bộ Tư pháp - Hộ tịch cấp xã. Nhiều địa phương đã ban hành được kế hoạch kiện toàn đội ngũ cán bộ này. Qua theo dõi của Bộ Tư pháp, ở một số tỉnh, tỷ lệ cấp xã có 2 cán bộ Tư pháp - Hộ tịch khá cao như Bạc Liêu (43%), thành phố Hồ Chí Minh (42%), Bà Rịa Vũng Tàu (41%), An Giang (36%), Cần Thơ (35%), Đà Nẵng (33%), Ninh Thuận (32%), Đồng Tháp (31%), Hưng Yên (29%), Tây Ninh (27%), Đồng Nai (25%)... Do đó, đề nghị các cơ quan tư pháp địa phương cần khẩn trương, nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTBXH và Công văn số 74-CV/BCSD phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và kịp thời báo cáo Bộ Tư pháp.

7. Công tác khác.

7.1. Luật Đất đai sau khi được ban hành đã phát huy hiệu lực, hiệu quả trên thực tế, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội ở Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để Nhà nước quản lý về đất đai và tạo điều kiện cho người dân sử dụng đất thực hiện các quyền của mình đối với đất đai. Tuy nhiên, trong thời gian qua, cùng với Luật đất đai thì một số Luật: Bộ luật Dân sự, Luật Xây dựng; Luật Nhà ở; Luật Công chứng..., đã được Chính phủ, các Bộ, ngành ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến lĩnh vực đất đai mà một số quy định trong các văn bản này lại chưa thống nhất nên đã phát sinh những vướng mắc, bất cập trên thực tế áp dụng. Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu, phối hợp với các bộ, ngành, kiến nghị Quốc hội, Chính phủ có những quy định thống nhất, chặt chẽ đối với lĩnh vực đất đai để đảm bảo việc triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao (STP Hưng Yên).

Trả lời: Bộ Tư pháp cho rằng, ý kiến phản ánh của Sở Tư pháp Hưng Yên là đúng. Để quản lý và sử dụng đất đai - nguồn tài nguyên quý giá của đất nước một cách hợp lý, hiệu quả và tiết kiệm thì việc đảm bảo một hệ thống pháp luật về đất đai đồng bộ, đầy đủ, toàn diện, thống nhất là cần thiết và cấp bách. Để làm được việc này thì việc xác định rõ, nhất quán đối tượng và phạm vi điều chỉnh của Luật Đất đai là quan trọng.

7.2. Đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến với các Bộ, ngành hữu quan tham mưu, trình Chính phủ về chế độ chính sách đặc thù với đội ngũ công chức, viên chức ngành Tư pháp nói chung, bởi hiện nay, tất cả các chức danh tư pháp đều có chế độ ưu đãi nhưng đội ngũ công chức tư pháp nói riêng từ tỉnh đến cơ sở không có chế độ ưu đãi nào (STP Hòa Bình).

Trả lời: Việc giải quyết chế độ, chính sách đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức theo quy định luôn được Bộ Tư pháp quan tâm và tích cực triển khai. Cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp được hưởng chính sách tiền lương theo quy định chung của nhà nước, đồng thời công chức, viên chức ở một số ngạch và các chức danh tư pháp còn được hưởng chế độ phụ cấp theo quy định. Ngoài ra, xuất phát từ tính đặc thù của các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ngành Tư pháp, đã có nhiều quy định về các chế độ, định mức chi cho hoạt động của Ngành như: kinh phí hỗ trợ xây dựng, thi hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật... Ngoài ra, công chức ngành Tư pháp là một bộ phận thuộc cơ quan hành chính nhà nước, hưởng chính sách tiền lương và chế độ theo quy định chung của nhà nước. Do đó, việc cải cách chế độ, chính sách đối với đội ngũ công chức tư pháp sẽ được thực hiện trong lộ trình cải cách chung về tiền lương cho đội ngũ cán bộ, công chức của Chính phủ.

7.3. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm trình Chính phủ ban hành Nghị định của Chính phủ quy định về công tác theo dõi thi hành pháp luật và hướng dẫn cụ thể cách thức triển khai thực hiện (STP Cần Thơ, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Khánh Hòa, Long An, Phú Yên).

Trả lời: Căn cứ Chương trình công tác của Bộ Tư pháp năm 2011, trên cơ sở kết quả thí điểm Đề án “Triển khai thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật” ở một số địa phương, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với một số đơn vị có liên quan tiến hành xây dựng Dự thảo Nghị định của Chính phủ về công tác theo dõi thi hành pháp luật. Theo kế hoạch được giao, tháng 5/2011, Ban soạn thảo đã hoàn thành Dự thảo 01 và đang gửi xin ý kiến. Dự kiến, Bộ Tư pháp sẽ trình Chính phủ Dự thảo Nghị định trong tháng 11/2011.

7.4. Đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn về phạm vi, phương pháp và trình tự khi tiến hành thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật đồng thời qua thí điểm nên tổ chức hội nghị triển khai để các địa phương khác rút kinh nghiệm (STP Tây Ninh, Hà Giang).

Trả lời: Công tác theo dõi thi hành pháp luật là một nhiệm vụ mới và tương đối khó khăn trong quá trình thực hiện, đặc biệt là đối với địa phương. Nhận thức được điều này, Bộ Tư pháp đã có công văn số 1986/BTP-VĐCXDPL hướng dẫn thực hiện công tác trọng tâm theo dõi thi hành pháp luật năm 2011 gửi đến tất cả địa phương trong cả nước. Đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm, tổ chức thực hiện.

Theo kế hoạch đã được Lãnh đạo Bộ phê duyệt, sau khi thực hiện thí điểm Đề án “Triển khai thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật” ở một số địa phương, Bộ Tư pháp sẽ tổng hợp báo cáo và tổ chức Hội nghị tổng kết quá trình thực hiện trong thời gian tới.

7.5. Kiến nghị Bộ Tư pháp sớm trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định 122/2004/NĐ-CP 18/5/2004 của Chính phủ, cụ thể hoá chính sách đối với cán bộ làm công tác pháp chế (STP Hưng Yên, Phú Thọ, Long An).

Trả lời: Ngày 04/07/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2011 và thay thế Nghị định số 122/2004/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và doanh nghiệp nhà nước.